

BẢNG THỐNG KÊ DANH SÁCH KHÁM SỨC KHỎE NĂM HỌC 2022 - 2023 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHONG PHÚ

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
	LỚP 6/1																
1	LÊ THỊ KIM NGÂN	LỚP 6/1	NỮ	24/2/2011	4/1/2023	40	142	19.8	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	CẦN HOÀNG LÂM	LỚP 6/1	NAM	2/6/2011	4/1/2023	44	147	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	NGUYỄN NGỌC SONG HƯƠNG	LỚP 6/1	NỮ	22/7/2011	4/1/2023	53	149	23.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGUYỄN TUẤN KHAI	LỚP 6/1	NAM	27/6/2011	4/1/2023	42	144	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	TRẦN HẢI THIÊN	LỚP 6/1	NAM	27/11/2011	4/1/2023	26	141	13.1	TCTT	THIẾU CÂN TRÁM TRỌNG	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN QUỐC THIÊN	LỚP 6/1	NAM	8/3/2011	4/1/2023	67	159	26.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	TRẦN NGỌC CHÍ BẢO	LỚP 6/1	NAM	17/10/2011	4/1/2023	49	155	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	TRỊNH QUANG ĐỨC BẢO	LỚP 6/1	NAM	31/8/2011	4/1/2023	50	153	21.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	TRẦN TRÍ DŨNG	LỚP 6/1	NAM	17/8/2011	4/1/2023	47	147	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ TRỌNG ĐẠT	LỚP 6/1	NAM	12/12/2011	4/1/2023	43	146	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN ANH KHÔI	LỚP 6/1	NAM	15/7/2011	4/1/2023	62	153	26.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	LÊ NGUYỄN GIA MINH	LỚP 6/1	NAM	8/11/2011	4/1/2023	62	151	27.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN QUỐC MINH	LỚP 6/1	NAM	8/3/2011	4/1/2023	50	155	20.8	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	TRẦN ANH KHÔI	LỚP 6/1	NAM	30/11/2011	4/1/2023	60	142	29.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	HUỶNH TẤN PHÁT	LỚP 6/1	NAM	13/5/2011	4/1/2023	45	146	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	LÊ HÙNG THỊNH	LỚP 6/1	NAM	7/4/2011	4/1/2023	52	153	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	LÊ NGỌC MINH	LỚP 6/1	NAM	24/8/2011	4/1/2023	44	149	19.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
18	NGUYỄN THÁI THÀNH	LỚP 6/1	NAM	15/3/2011	4/1/2023	35	142	17.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	HUỶNH TRÍ TÀI	LỚP 6/1	NAM	4/12/2011	4/1/2023	40	151	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
20	PHAN TRẦN GIA KHANG	LỚP 6/1	NAM	9/9/2011	4/1/2023	47	150	20.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRẦN LÊ ĐĂNG KHOA	LỚP 6/1	NAM	28/6/2011	4/1/2023	52	149	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGÔ ĐỨC HUY	LỚP 6/1	NAM	30/10/2011	4/1/2023	50	156	20.5	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	VÔ BẢO CHÂU	LỚP 6/1	NỮ	3/8/2011	4/1/2023	40	149	18.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
24	HÀ ANH THƯ	LỚP 6/1	NỮ	14/2/2011	4/1/2023	34	148	15.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LÊ NHÃ KHA	LỚP 6/1	NỮ	11/2/2011	4/1/2023	40	154	16.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
26	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	LỚP 6/1	NỮ	7/11/2011	4/1/2023	26	141	13.1	TCTT	THIẾU CẢN TRÁM TRỌNG	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	BÙI HỒNG PHƯƠNG NGÂN	LỚP 6/1	NỮ	5/8/2011	4/1/2023	46	146	21.6	ThC	THỪA CẢN	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	ĐỖ THIÊN DI	LỚP 6/1	NỮ	11/5/2011	4/1/2023	43	150	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
29	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	LỚP 6/1	NỮ	30/1/2011	4/1/2023	44	160	17.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	HUỲNH XUÂN BẢO KỶ	LỚP 6/1	NỮ	5/1/2011	4/1/2023	49	155	20.4	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	VÔ THIÊN KỶ	LỚP 6/1	NỮ	5/10/2011	4/1/2023	52	149	23.4	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	CÔ HOÀNG THÚY VY	LỚP 6/1	NỮ	8/2/2011	4/1/2023	37	148	16.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	ĐINH PHẠM HÀ VY	LỚP 6/1	NỮ	22/7/2011	4/1/2023	27	145	12.8	TCTT	THIẾU CẢN TRÁM TRỌNG	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	VÔ NGỌC HÀ	LỚP 6/1	NỮ	14/12/2011	4/1/2023	44	153	18.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN NGỌC QUỲNH CHI	LỚP 6/1	NỮ	3/6/2011	4/1/2023	37	153	15.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN HƯƠNG MAI	LỚP 6/1	NỮ	17/12/2011	4/1/2023	42	151	18.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	ĐOÀN TRẦN ANH THƯ	LỚP 6/1	NỮ	5/12/2011	4/1/2023	33	152	14.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
38	PHẠM THẢO NGUYỄN	LỚP 6/1	NỮ	5/8/2011	4/1/2023	57	150	25.3	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	THÁI NGUYỄN BẢO NGỌC	LỚP 6/1	NỮ	21/7/2011	4/1/2023	36	151	15.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
40	LA MINH TỬ	LỚP 6/1	NỮ	9/11/2011	4/1/2023	50	150	22.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	LỚP 6/1	NỮ	10/12/2011	4/1/2023	49	152	21.2	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	TRỊNH KỶ PHƯƠNG	LỚP 6/1	NỮ	15/11/2011	4/1/2023	66	165	24.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
43	VŨ MAI KHUÊ	LỚP 6/1	NỮ	12/12/2011	4/1/2023	40	150	17.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
44	TRẦN THỊ NGỌC HÂN	LỚP 6/1	NỮ	25/1/2011	4/1/2023	42	157	17.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 6/2																
1	NGUYỄN NGỌC BẢO NGÂN	LỚP 6/2	NỮ	26/7/2011	4/1/2023	45	153	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
2	HUỲNH MINH KHUÊ	LỚP 6/2	NỮ	15/9/2011	4/1/2023	40	151	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
3	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	LỚP 6/2	NỮ	20/12/2011	4/1/2023	42	157	17.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	LÊ NGUYỄN TRÂM ANH	LỚP 6/2	NỮ	7/9/2011	4/1/2023	45	154	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
5	PHẠM THÙY ANH	LỚP 6/2	NỮ	1/4/2011	4/1/2023	43	153	18.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	TRẦN LÝ KIM NGÂN	LỚP 6/2	NỮ	4/7/2011	4/1/2023	48	158	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
7	LÊ NGỌC TRƯỜNG AN	LỚP 6/2	NỮ	6/7/2011	4/1/2023	60	151	26.3	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	VÔ NGỌC CẨM TÚ	LỚP 6/2	NỮ	21/5/2011	4/1/2023	56	161	21.6	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
9	NGUYỄN LÊ BẢO CHÂU	LỚP 6/2	NỮ	1/6/2011	4/1/2023	50	160	19.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
10	TÔ THỊ THÚY KIỀU	LỚP 6/2	NỮ	17/5/2011	4/1/2023	58	152	25.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN LÊ GIA HÂN	LỚP 6/2	NỮ	12/6/2011	4/1/2023	25	139	12.9	TCTT	THIẾU CÂN TRẮM TRỌNG	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	CAO QUỲNH NHƯ	LỚP 6/2	NỮ	3/6/2011	4/1/2023	37	146	17.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	ĐOÀN BẢO NGHI	LỚP 6/2	NỮ	22/9/2011	4/1/2023	44	148	20.1	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN LÊ UYÊN TRANG	LỚP 6/2	NỮ	25/4/2011	4/1/2023	43	150	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN NGỌC THANH HOÀNG	LỚP 6/2	NỮ	31/1/2011	4/1/2023	55	152	23.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	LẠI QUỲNH YẾN NHI	LỚP 6/2	NỮ	13/6/2011	4/1/2023	43	158	17.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	LƯU BẢO QUYỀN	LỚP 6/2	NỮ	16/8/2011	4/1/2023	35	151	15.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
18	LÊ NGỌC KHÁNH VI	LỚP 6/2	NỮ	22/6/2011	4/1/2023	42	146	19.7	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	ĐÀM NGỌC THUY LINH	LỚP 6/2	NỮ	26/2/2011	4/1/2023	71	158	28.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN HOÀNG NHƯ Ý	LỚP 6/2	NỮ	1/4/2011	4/1/2023	45	149	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRẦN LÊ GIA HÂN	LỚP 6/2	NỮ	27/6/2011	4/1/2023	38	151	16.7	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	LÂM HẢI MY	LỚP 6/2	NỮ	27/10/2011	4/1/2023	40	145	19.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN LÊ HÂN NHIÊN	LỚP 6/2	NỮ	14/5/2011	4/1/2023	63	147	29.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	LỚP 6/2	NỮ	14/1/2011	4/1/2023	45	147	20.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LÊ MINH ĐẠT	LỚP 6/2	NAM	1/4/2011	4/1/2023	56	154	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	TẶNG TIỀN PHÁT	LỚP 6/2	NAM	16/2/2011	4/1/2023	45	157	18.3	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	MAI HOÀNG VIỆT PHONG	LỚP 6/2	NAM	22/6/2011	4/1/2023	56	149	25.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	LỚP 6/2	NAM	20/12/2011	4/1/2023	45	136	24.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	PHAN HOÀNG BẢO MINH	LỚP 6/2	NAM	8/9/2011	4/1/2023	60	153	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	LÊ TRẦN HOÀN LONG	LỚP 6/2	NAM	26/3/2011	4/1/2023	71	161	27.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM AMYĐAN MẠN	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	LÊ TRẦN MINH ĐỨC	LỚP 6/2	NAM	1/8/2011	4/1/2023	47	151	20.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN QUỐC HUNG	LỚP 6/2	NAM	10/3/2011	4/1/2023	54	160	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN HUỲNH GIA BẢO	LỚP 6/2	NAM	7/8/2011	4/1/2023	57	148	26.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
34	TRẦN HOÀNG TUẤN KIỆT	LỚP 6/2	NAM	2/3/2011	4/1/2023	48	150	21.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	LÊ ĐOÃN GIA MINH	LỚP 6/2	NAM	18/4/2011	4/1/2023	32	140	16.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
36	HÀ BẢO DUY	LỚP 6/2	NAM	24/8/2011	4/1/2023	54	148	24.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	LƯU CẨM SƠN	LỚP 6/2	NAM	15/11/2011	4/1/2023	41	148	18.7	BT	BT	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	LÝ NHẬT TRƯỜNG	LỚP 6/2	NAM	19/11/2011	4/1/2023	57	149	25.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	THÁI HOÀNG KHÔI	LỚP 6/2	NAM	31/8/2011	4/1/2023	55	149	24.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	PHẠM TẤN DŨNG	LỚP 6/2	NAM	30/11/2011	4/1/2023	59	151	25.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	TRƯƠNG HƯNG TÍN	LỚP 6/2	NAM	8/11/2011	4/1/2023	42	142	20.8	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	ĐOÀN DUY MẠNH	LỚP 6/2	NAM	29/6/2011	4/1/2023	41	141	20.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
43	HUỲNH TẤN PHÁT	LỚP 6/2	NAM	7/3/2011	4/1/2023	35	138	18.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
44	NGUYỄN GIA BẢO	LỚP 6/2	NAM	30/11/2011	4/1/2023	43	141	21.6	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 6/3</u>																
1	NGUYỄN GIA MINH	LỚP 6/3	NAM	22/6/2011	4/1/2023	80	164	29.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	LỚP 6/3	NAM	30/9/2010	4/1/2023	64	166	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	PHẠM THÁI MINH ĐĂNG	LỚP 6/3	NAM	5/8/2011	4/1/2023	52	146	24.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGUYỄN THIÊN ẮN	LỚP 6/3	NAM	14/9/2011	4/1/2023	50	150	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	LÂM MINH ĐỨC	LỚP 6/3	NAM	14/12/2011	4/1/2023	36	142	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
6	LÂM KIM ANH	LỚP 6/3	NỮ	12/4/2011	4/1/2023	40	163	15.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	PHAN HIỀU NHÂN	LỚP 6/3	NAM	14/8/2011	4/1/2023	35	143	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN TRẦN SỰ BIN	LỚP 6/3	NAM	22/9/2011	4/1/2023	31	137	16.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHÔI	LỚP 6/3	NAM	7/4/2011	4/1/2023	74	148	33.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	ĐẶNG NGUYỄN THÀNH LỘC	LỚP 6/3	NAM	13/7/2011	4/1/2023	57	150	25.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN THANH DUY	LỚP 6/3	NAM	25/10/2011	4/1/2023	49	147	22.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	CHUNG HÀ TUẤN KIỆT	LỚP 6/3	NAM	13/2/2011	4/1/2023	39	156	16.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	MÁT RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	ĐẶNG ĐĂNG KHOA	LỚP 6/3	NAM	29/9/2011	4/1/2023	46	150	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	PHẠM NGỌC TỬ UYÊN	LỚP 6/3	NỮ	27/1/2011	4/1/2023	49	145	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	KIỀU VIỆT KHANG	LỚP 6/3	NAM	26/1/2011	4/1/2023	55	160	21.5	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	ĐOÀN QUỐC ANH KHÔI	LỚP 6/3	NAM	16/9/2011	4/1/2023	52	165	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
17	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	LỚP 6/3	NỮ	9/9/2011	4/1/2023	71	162	27.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	TRẦN NGỌC PHƯƠNG TRANG	LỚP 6/3	NỮ	3/12/2011	4/1/2023	50	160	19.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN GIA BẢO	LỚP 6/3	NAM	2/9/2011	4/1/2023	55	146	25.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN TRÀ MY	LỚP 6/3	NỮ	27/7/2011	4/1/2023	28	143	13.7	TCTT	THIẾU CÂN TRẦM TRỌNG	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRẦN NGUYỄN KHÁNH NGỌC	LỚP 6/3	NỮ	27/12/2011	4/1/2023	31	143	15.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	DANH THỊ YẾN LINH	LỚP 6/3	NỮ	16/6/2011	4/1/2023	29	140	14.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGÔ XUÂN QUỲNH	LỚP 6/3	NỮ	2/7/2011	4/1/2023	42	146	19.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	PHẠM KHÁNH NGỌC	LỚP 6/3	NỮ	10/11/2011	4/1/2023	38	147	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGUYỄN ĐẶNG ĐĂNG TRẦN	LỚP 6/3	NỮ	1/8/2011	4/1/2023	30	148	13.7	TCTT	THIẾU CÂN TRẦM TRỌNG	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	LỚP 6/3	NỮ	30/8/2011	4/1/2023	51	160	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	TRẦN HUỖNH TƯỜNG VY	LỚP 6/3	NỮ	31/5/2011	4/1/2023	51	145	24.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	PHẠM GIA HÂN	LỚP 6/3	NỮ	31/12/2011	4/1/2023	53	148	24.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	LỚP 6/3	NỮ	5/10/2011	4/1/2023	40	152	17.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	ĐỖ THỊ VÂN NGUYỄN	LỚP 6/3	NỮ	21/11/2011	4/1/2023	48	156	19.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGUYỄN TRẦN HOÀNG ANH	LỚP 6/3	NỮ	19/1/2011	4/1/2023	44	153	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	HUỖNH TRÚC MY	LỚP 6/3	NỮ	27/9/2011	4/1/2023	84	147	38.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	LỚP 6/3	NỮ	25/12/2011	4/1/2023	39	145	18.5	BT	BT	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	LƯU KIM NGÂN	LỚP 6/3	NỮ	22/8/2011	4/1/2023	46	147	21.3	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN HOÀNG MAI PHƯƠNG	LỚP 6/3	NỮ	23/9/2011	4/1/2023	61	153	26.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	PHAN NGUYỄN TRIỆU AN	LỚP 6/3	NỮ	6/9/2011	4/1/2023	61	149	27.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGÔ THANH HIẾU	LỚP 6/3	NAM	25/5/2010	4/1/2023	61	155	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN GIA PHÚC	LỚP 6/3	NAM	26/8/2011	4/1/2023	36	135	19.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	NGUYỄN THANH THÀNH PHÁT	LỚP 6/3	NAM	18/1/2011	4/1/2023	51	163	19.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	LÊ DƯƠNG NGUYỄN SA	LỚP 6/3	NỮ	20/6/2011	4/1/2023	36	157	14.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	NGUYỄN VĂN TRỌNG	LỚP 6/3	NAM	25/6/2011	4/1/2023	41	149	18.5	BT	BT	BT	BT	BT	VIÊM NUỖU	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
42	TRẦN BẢO TRẦN	LỚP 6/3	NỮ	14/11/2011	4/1/2023	58	152	25.1	BP	BÉO PHÌ	VIÊM DA CỎ ĐỊA	BT	VIÊM MŨI DỊ ỨNG	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
43	CAO TIẾN	LỚP 6/3	NAM	29/5/2011	4/1/2023	66	162	25.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
44	VÔ MAI KHÁNH LINH	LỚP 6/3	NỮ	11/7/2011	4/1/2023	36	148	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 6/4</u>																
1	LÝ YẾN NHUNG	LỚP 6/4	NỮ	16/11/2011	4/1/2023	27	135	14.8	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN NGỌC KHÁNH HÀ	LỚP 6/4	NỮ	7/4/2011	4/1/2023	55	149	24.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	ĐẶNG TRẦN MINH TÂM	LỚP 6/4	NỮ	17/12/2011	4/1/2023	38	145	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGUYỄN HUỲNH TÂM NHƯ	LỚP 6/4	NỮ	11/5/2011	4/1/2023	32	151	14.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	LÝ YẾN NHƯ	LỚP 6/4	NỮ	16/11/2011	4/1/2023	28	137	14.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG NHI	LỚP 6/4	NỮ	30/5/2011	4/1/2023	36	153	15.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN THỊ NGÂN THANH	LỚP 6/4	NỮ	10/2/2011	4/1/2023	62	163	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	MÃO SỬ	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	PHẠM MAI BÍCH HÀ	LỚP 6/4	NỮ	4/2/2011	4/1/2023	37	139	19.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LÊ THỊ KIM PHÚC	LỚP 6/4	NỮ	1/4/2011	4/1/2023	30	139	15.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	NGUYỄN NGỌC THUYỀN KIM	LỚP 6/4	NỮ	24/8/2011	4/1/2023	44	152	19.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	VÔ THỊ CẨM TIỀN	LỚP 6/4	NỮ	1/5/2011	4/1/2023	37	150	16.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	THAI NGỌC QUÊ	LỚP 6/4	NỮ	8/10/2011	4/1/2023	36	145	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
13	LÊ HOÀNG NGỌC NHUNG	LỚP 6/4	NỮ	7/12/2011	4/1/2023	31	144	14.9	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	TRẦN VÔ MINH CHÂU	LỚP 6/4	NỮ	18/10/2011	4/1/2023	44	155	18.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	THAI ANH THƯ	LỚP 6/4	NỮ	4/12/2011	4/1/2023	28	132	16.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	HỒ QUỲNH NHƯ	LỚP 6/4	NỮ	5/9/2011	4/1/2023	41	143	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	VÔ NGÔ THÀNH ĐẠT	LỚP 6/4	NAM	31/3/2011	4/1/2023	44	150	19.6	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	NGUYỄN NGỌC THẢO MY	LỚP 6/4	NỮ	14/8/2011	4/1/2023	54	155	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	LÊ NHẬT TÍN	LỚP 6/4	NAM	20/5/2011	4/1/2023	49	150	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	TRẦN TUẤN BÌNH	LỚP 6/4	NAM	29/10/2011	4/1/2023	30	140	15.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN THÀNH LUÂN	LỚP 6/4	NAM	23/9/2011	4/1/2023	60	157	24.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	PHẠM TRẦN TUẤN HÙNG	LỚP 6/4	NAM	12/9/2011	4/1/2023	32	132	18.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
23	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	LỚP 6/4	NAM	27/2/2011	4/1/2023	25	130	14.8	BT	BT	BT	BT	BT	VÔI RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN THANH SANG	LỚP 6/4	NAM	8/4/2011	4/1/2023	47	147	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LƯƠNG CHUNG TRIỀU ĐỨC PHÁT	LỚP 6/4	NAM	25/5/2011	4/1/2023	37	145	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG DUNG	LỚP 6/4	NỮ	29/12/2011	4/1/2023	41	135	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	HUỲNH NGUYỄN TRÚC THẢO	LỚP 6/4	NỮ	18/3/2011	4/1/2023	63	157	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	LÊ HOÀNG NAM	LỚP 6/4	NAM	20/7/2011	4/1/2023	60	153	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	DIỆP VĂN TỶ	LỚP 6/4	NAM	16/8/2011	4/1/2023	67	162	25.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	LÊ ĐỨC HỒNG SƠN	LỚP 6/4	NAM	4/8/2011	4/1/2023	39	136	21.1	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	VIÊM MŨI	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	CAO HOÀNG NAM	LỚP 6/4	NAM	19/2/2011	4/1/2023	85	163	32.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	HÀ NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	LỚP 6/4	NAM	27/12/2009	4/1/2023	42	155	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN TÂN PHÁT	LỚP 6/4	NAM	17/8/2011	4/1/2023	57	148	26.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN XUÂN THỊNH	LỚP 6/4	NAM	21/6/2011	4/1/2023	37	152	16.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	LÊ ANH KIẾT	LỚP 6/4	NAM	30/5/2011	4/1/2023	48	150	21.3	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	MAI MINH TOÀN	LỚP 6/4	NAM	20/6/2011	4/1/2023	71	162	27.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	LÝ HOÀNG NAM	LỚP 6/4	NAM	18/6/2011	4/1/2023	44	151	19.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN PHÚC TOÀN	LỚP 6/4	NAM	25/7/2011	4/1/2023	47	162	17.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	NGÔ MINH NHỰT	LỚP 6/4	NAM	14/3/2011	4/1/2023	33	144	15.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	NGUYỄN GIA HUY	LỚP 6/4	NAM	29/7/2011	4/1/2023	56	145	26.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	PHẠM NGUYỄN MỸ DUYỀN	LỚP 6/4	NỮ	16/7/2011	4/1/2023	46	145	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	HUỲNH THANH GIA HÂN	LỚP 6/4	NỮ	30/3/2011	4/1/2023	64	163	24.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
43	PHAN ANH TUẤN	LỚP 6/4	NAM	14/2/2011	4/1/2023	65	163	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 6/5																
1	TRẦN NGỌC KHÁNH NHƯ	LỚP 6/5	NỮ	6/11/2011	4/1/2023	54	155	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	HUỲNH THỊ BÍCH HỒNG	LỚP 6/5	NỮ	20/4/2011	4/1/2023	35	140	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	TRỊNH KIM NGÂN	LỚP 6/5	NỮ	20/10/2011	4/1/2023	49	159	19.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	TRIỆU LÊ THUY TIỀN	LỚP 6/5	NỮ	22/12/2011	4/1/2023	32	140	16.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
5	PHẠM TRẦN PHƯƠNG ANH	LỚP 6/5	NỮ	25/9/2011	4/1/2023	46	147	21.3	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN THỊ ANH THU	LỚP 6/5	NỮ	24/6/2011	4/1/2023	49	147	22.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
7	NGUYỄN THỊ TỎ NỮ	LỚP 6/5	NỮ	24/10/2011	4/1/2023	47	148	21.5	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	BÙI MỸ DUYỀN	LỚP 6/5	NỮ	8/11/2010	4/1/2023	36	146	16.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LA HOÀNG BẢO HÂN	LỚP 6/5	NỮ	24/10/2011	4/1/2023	35	147	16.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	DIỆP TUYẾT TRANG	LỚP 6/5	NỮ	10/2/2010	4/1/2023	42	151	18.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	ĐOÀN THỤY TƯỜNG LAM	LỚP 6/5	NỮ	1/9/2011	4/1/2023	38	156	15.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN NGỌC GIA NGHI	LỚP 6/5	NỮ	12/11/2011	4/1/2023	48	154	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGÔ THỊ TUYẾT NHUNG	LỚP 6/5	NỮ	30/1/2011	4/1/2023	53	150	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN NGỌC LAN TUYỀN	LỚP 6/5	NỮ	14/12/2011	4/1/2023	48	149	21.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN TƯỜNG VI	LỚP 6/5	NỮ	9/3/2011	4/1/2023	36	152	15.6	BT	BT	VIÊM DA CƠ ĐỊA	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN TRẦN LÊ UYÊN	LỚP 6/5	NỮ	16/1/2011	4/1/2023	60	160	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	HUỖNH THẢO ANH	LỚP 6/5	NỮ	9/4/2011	4/1/2023	63	157	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	THÁI HOÀNG THÙY TIỀN	LỚP 6/5	NỮ	11/9/2011	4/1/2023	36	150	16.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	LẠI TRƯỞNG NGỌC GIÀU	LỚP 6/5	NỮ	31/7/2011	4/1/2023	33	137	17.6	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	PHẠM PHƯƠNG LINH	LỚP 6/5	NỮ	31/5/2011	4/1/2023	45	143	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	ĐẶNG TẤN THÀNH	LỚP 6/5	NAM	3/10/2011	4/1/2023	46	140	23.5	BP	BÉO PHÌ	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	AMYĐAN QUẢ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN MINH HUY	LỚP 6/5	NAM	22/4/2011	4/1/2023	47	138	24.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	TRẦN VĂN PHÁT	LỚP 6/5	NAM	11/6/2011	4/1/2023	34	139	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
24	TRẦN TẤN ĐẠT	LỚP 6/5	NAM	25/10/2011	4/1/2023	43	150	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	TÔ HOÀNG MINH QUÂN	LỚP 6/5	NAM	26/8/2011	4/1/2023	61	153	26.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	DƯƠNG HOÀNG NAM	LỚP 6/5	NAM	1/10/2011	4/1/2023	50	149	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	LÊ MINH CHÁN HÙNG	LỚP 6/5	NAM	18/10/2011	4/1/2023	43	143	21.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	TRẦN LÊ MINH TIỀN	LỚP 6/5	NAM	5/12/2011	4/1/2023	29	139	15.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	LÊ TUẤN ANH	LỚP 6/5	NAM	17/10/2011	4/1/2023	49	148	22.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN VĂN VĨ ĐẠI	LỚP 6/5	NAM	4/11/2011	4/1/2023	31	133	17.5	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	PHAN DUY LONG	LỚP 6/5	NAM	23/4/2011	4/1/2023	66	153	28.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	CAO QUANG MINH	LỚP 6/5	NAM	23/4/2011	4/1/2023	44	149	19.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	LÊ QUỐC KHÁNH	LỚP 6/5	NAM	2/9/2011	4/1/2023	39	138	20.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN QUỐC THẮNG	LỚP 6/5	NAM	7/4/2009	4/1/2023	70	169	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
35	PHAN TÂN ĐIỀN	LỚP 6/5	NAM	1/4/2011	4/1/2023	45	145	21.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN VĂN HOÀNG THIỆN	LỚP 6/5	NAM	28/6/2011	4/1/2023	60	157	24.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	ĐÀM MINH TIẾN	LỚP 6/5	NAM	27/11/2011	4/1/2023	55	149	24.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	LÊ HỮU PHÚC	LỚP 6/5	NAM	21/5/2011	4/1/2023	42	163	15.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
39	NGUYỄN HẬU NGỌC LONG	LỚP 6/5	NAM	7/11/2011	4/1/2023	45	149	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	LÊ THANH TIẾN	LỚP 6/5	NAM	18/6/2011	4/1/2023	35	142	17.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
41	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	LỚP 6/5	NAM	7/2/2011	4/1/2023	31	137	16.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
42	NGUYỄN NHẬT KỶ ANH	LỚP 6/5	NAM	10/5/2011	4/1/2023	36	139	18.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
LỚP 6/6																	
1	LÊ VÕ HỒNG TRẦN	LỚP 6/6	NỮ	22/8/2011	4/1/2023	51	147	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN HOÀNG THANH HUỖN	LỚP 6/6	NỮ	16/5/2011	4/1/2023	45	156	18.5	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	LIÊU LÊ YẾN NHI	LỚP 6/6	NỮ	22/10/2011	4/1/2023	31	147	14.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	LỚP 6/6	NỮ	7/12/2011	4/1/2023	44	154	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
5	CAO TRẦN YẾN VY	LỚP 6/6	NỮ	13/8/2011	4/1/2023	62	156	25.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN HOÀNG MINH THƯ	LỚP 6/6	NỮ	17/2/2011	4/1/2023	78	157	31.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	TRẦN CẨM NGỌC	LỚP 6/6	NỮ	22/11/2011	4/1/2023	35	145	16.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	LỚP 6/6	NỮ	1/12/2011	4/1/2023	35	162	13.3	TCTT	THIẾU CÂN TRÁM TRỌNG	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	ĐỖ MINH THY	LỚP 6/6	NỮ	20/6/2011	4/1/2023	34	146	16.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LẠI NGỌC THỦY TIẾN	LỚP 6/6	NỮ	19/9/2011	4/1/2023	35	140	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN LÊ QUỲNH KIM NGÂN	LỚP 6/6	NỮ	27/2/2011	4/1/2023	39	153	16.7	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN HUỖNH THÚY AN	LỚP 6/6	NỮ	11/5/2011	4/1/2023	59	157	23.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	LỚP 6/6	NỮ	18/4/2011	4/1/2023	52	151	22.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC MINH	LỚP 6/6	NỮ	10/4/2011	4/1/2023	57	161	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	BÙI THỊ THANH NGÂN	LỚP 6/6	NỮ	29/8/2011	4/1/2023	30	132	17.2	BT	BT	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	TÔ THỊ HUỖN TRANG	LỚP 6/6	NỮ	15/11/2011	4/1/2023	44	143	21.5	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYỄN	LỚP 6/6	NỮ	28/10/2011	4/1/2023	41	152	17.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
18	TRẦN TRIỆU BẢO NGỌC	LỚP 6/6	NỮ	9/5/2011	4/1/2023	40	151	17.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	TRẦN NGUYỄN ANH THƯ	LỚP 6/6	NỮ	17/12/2010	4/1/2023	63	157	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
20	TRƯƠNG THỊ NGỌC HOA	LỚP 6/6	NỮ	9/6/2011	4/1/2023	42	153	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGÔ PHÚ QUÝ	LỚP 6/6	NAM	12/1/2011	4/1/2023	28	140	14.3	TCTT	THIẾU CẢN TRÂM TRỌNG	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN ANH DUY	LỚP 6/6	NAM	8/1/2011	4/1/2023	40	159	15.8	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN VĂN DUY	LỚP 6/6	NAM	22/12/2011	4/1/2023	38	142	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
24	LÊ ĐÌNH THỐNG	LỚP 6/6	NAM	20/7/2011	4/1/2023	26	134	14.5	NC	NHIỆ CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	VŨ BÌNH MINH	LỚP 6/6	NAM	4/9/2011	4/1/2023	32	144	15.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	LỚP 6/6	NAM	5/6/2010	4/1/2023	58	158	23.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	ĐOÀN GIA TUẤN	LỚP 6/6	NAM	25/7/2011	4/1/2023	47	149	21.2	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	LÊ MINH THIÊN	LỚP 6/6	NAM	31/1/2011	4/1/2023	61	155	25.4	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	VÔ TRẦN VŨ PHONG	LỚP 6/6	NAM	3/11/2011	4/1/2023	28	144	13.5	TCTT	THIẾU CẢN TRÂM TRỌNG	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	ĐẶNG THANH HẢI	LỚP 6/6	NAM	17/4/2011	4/1/2023	40	145	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	DƯƠNG THÊ TOÀN	LỚP 6/6	NAM	23/1/2011	4/1/2023	31	141	15.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN HOÀNG THÁI	LỚP 6/6	NAM	17/6/2011	4/1/2023	38	137	20.2	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN HỮU THIÊN	LỚP 6/6	NAM	27/10/2011	4/1/2023	62	167	22.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN VĂN LÂM	LỚP 6/6	NAM	5/6/2011	4/1/2023	61	162	23.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	LÊ GIA TƯỜNG	LỚP 6/6	NAM	23/6/2011	4/1/2023	69	160	27.0	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	TRẦN NGUYỄN TRỌNG LƯ	LỚP 6/6	NAM	25/4/2011	4/1/2023	72	159	28.5	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	LÊ VŨ MINH PHÁT	LỚP 6/6	NAM	28/10/2011	4/1/2023	51	142	25.3	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN MINH ĐẠT	LỚP 6/6	NAM	27/2/2011	4/1/2023	47	148	21.5	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI DỊ ỨNG	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	LƯƠNG HOÀNG NGỌC HÀO	LỚP 6/6	NỮ	23/5/2010	4/1/2023	50	160	19.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	HUỲNH HỮU PHÚC	LỚP 6/6	NAM	6/12/2011	4/1/2023	69	149	31.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	NGUYỄN PHÚC THỊNH	LỚP 6/6	NAM	22/10/2008	4/1/2023	59	164	21.9	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 6/7																
1	TRẦN HẢI YẾN	LỚP 6/7	NỮ	9/8/2011	4/1/2023	35	149	15.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
2	LƯ TUYẾT NHÌ	LỚP 6/7	NỮ	15/2/2011	4/1/2023	55	159	21.8	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	HÀ THỊ THUY TRÚC	LỚP 6/7	NỮ	11/1/2011	4/1/2023	48	151	21.1	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	LỚP 6/7	NỮ	11/10/2011	4/1/2023	45	149	20.3	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	KHƯƠNG THỊ KIM HÙNG	LỚP 6/7	NỮ	26/5/2011	4/1/2023	47	147	21.8	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN THỊ ẨM NGỌC	LỚP 6/7	NỮ	24/8/2011	4/1/2023	45	144	21.7	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
7	NGUYỄN NGỌC THẢO	LỚP 6/7	NỮ	1/9/2011	4/1/2023	39	156	16.0	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG THÙY	LỚP 6/7	NỮ	21/5/2011	4/1/2023	34	146	16.0	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN PHẠM THÙY TIỀN	LỚP 6/7	NỮ	14/12/2010	4/1/2023	65	152	28.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	MÁT RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ PHƯƠNG NGHI	LỚP 6/7	NỮ	18/4/2011	4/1/2023	50	151	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH VÂN	LỚP 6/7	NỮ	8/8/2010	4/1/2023	78	162	29.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN THỊ NGUYỆT ANH	LỚP 6/7	NỮ	18/10/2011	4/1/2023	40	144	19.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
13	TRƯƠNG KHÁNH LINH	LỚP 6/7	NỮ	22/3/2011	4/1/2023	44	153	18.8	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	LÊ THỊ ANH THƯ	LỚP 6/7	NỮ	22/9/2011	4/1/2023	53	141	26.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	LẠI HỒNG THẢO HÂN	LỚP 6/7	NỮ	20/10/2011	4/1/2023	36	147	16.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	CHÍNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	TÔNG DIỆP BÍCH VÂN	LỚP 6/7	NỮ	10/5/2011	4/1/2023	54	152	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	TRẦN NGỌC GIA HÂN	LỚP 6/7	NỮ	23/7/2011	4/1/2023	41	149	18.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	LỚP 6/7	NỮ	1/7/2011	4/1/2023	43	143	21.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	LẠI THUY TIỀN	LỚP 6/7	NỮ	2/10/2010	4/1/2023	55	145	26.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	PHẠM ĐỖ GIA NGHI	LỚP 6/7	NỮ	1/11/2011	4/1/2023	46	152	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN MAI THY	LỚP 6/7	NỮ	15/12/2011	4/1/2023	35	152	15.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	ĐỖ MINH TÀI	LỚP 6/7	NAM	31/10/2011	4/1/2023	39	155	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
23	LÊ HOÀNG NGHĨA	LỚP 6/7	NAM	10/11/2011	4/1/2023	39	155	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	TÔ THIÊN KHANG	LỚP 6/7	NAM	27/8/2008	4/1/2023	71	167	25.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LẠI THANH HẢI	LỚP 6/7	NAM	29/4/2011	4/1/2023	49	158	19.6	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	LỚP 6/7	NAM	12/8/2011	4/1/2023	51	146	23.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	TRẦN GIA NGUYỄN	LỚP 6/7	NAM	31/7/2011	4/1/2023	47	155	19.6	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	CAO TỔ QUỐC HẢI	LỚP 6/7	NAM	16/1/2011	4/1/2023	35	149	15.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	TRẦN CHÍ PHÁT	LỚP 6/7	NAM	13/4/2011	4/1/2023	45	153	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	PHẠM QUỐC DUY	LỚP 6/7	NAM	20/10/2011	4/1/2023	65	156	26.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
31	LẠI KHÁNH HÙNG	LỚP 6/7	NAM	3/9/2010	4/1/2023	40	144	19.3	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	VÔ TRẦN NGUYỄN ANH	LỚP 6/7	NAM	6/7/2011	4/1/2023	34	145	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
33	HUỲNH TÂN TRUNG	LỚP 6/7	NAM	4/1/2011	4/1/2023	46	137	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	LƯU HOÀNG NHÂN	LỚP 6/7	NAM	27/8/2011	4/1/2023	29	138	15.2	BT	BT	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN PHƯỚC TRỌNG HIỀN	LỚP 6/7	NAM	2/6/2011	4/1/2023	59	151	25.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGÔ MINH QUANG VINH	LỚP 6/7	NAM	22/12/2011	4/1/2023	43	148	19.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
37	LƯU HOÀNG NGHĨA	LỚP 6/7	NAM	27/8/2011	4/1/2023	28	136	15.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	PHAN THANH GIA PHÁT	LỚP 6/7	NAM	3/9/2011	4/1/2023	35	135	19.2	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	NGÔ TÂN KHANG	LỚP 6/7	NAM	6/5/2011	4/1/2023	67	151	29.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	HUỲNH TÂN PHÚC	LỚP 6/7	NAM	4/12/2011	4/1/2023	29	144	14.0	TCTT	THIẾU CÁN TRÂM TRỌNG	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	PHẠM GIA NGHĨA	LỚP 6/7	NAM	25/4/2011	4/1/2023	31	140	15.8	BT	BT	VIÊM DA CƠ ĐỊA	BT	BT	VÔI RĂNG, VIÊM NƯỠU	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 6/8</u>																
1	ĐẶNG GIA HUY	LỚP 6/8	NAM	14/9/2011	4/1/2023	57	148	26.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGÔ TRỌNG LONG GIANG	LỚP 6/8	NAM	2/7/2011	4/1/2023	39	138	20.5	ThC	THỪA CÁN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	PHẠM KHÁNH HÙNG	LỚP 6/8	NAM	3/11/2011	4/1/2023	50	148	22.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	HUỲNH HOÀNG HUY	LỚP 6/8	NAM	1/4/2011	4/1/2023	48	153	20.5	ThC	THỪA CÁN	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	TRƯƠNG ĐĂNG KHOA	LỚP 6/8	NAM	19/3/2011	4/1/2023	55	154	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	LÊ TÂN ĐẠT	LỚP 6/8	NAM	8/6/2011	4/1/2023	50	152	21.6	ThC	THỪA CÁN	BT	BT	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	LÊ MINH TRÍ	LỚP 6/8	NAM	22/5/2011	4/1/2023	52	150	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	TRIỆU THÁI GIA HOÀNG	LỚP 6/8	NAM	1/1/2011	4/1/2023	43	167	15.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
9	PHẠM HOÀI NAM	LỚP 6/8	NAM	16/10/2011	4/1/2023	44	155	18.3	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	AMYĐAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
10	TRẦN NGUYỄN QUỐC BẢO	LỚP 6/8	NAM	14/6/2011	4/1/2023	25	136	13.5	TCTT	THIẾU CẢN TRÂM TRỌNG	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN CHÂN PHONG	LỚP 6/8	NAM	25/4/2011	4/1/2023	50	149	22.5	BP	BÉO PHỈ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	DANH QUỐC KIẾT	LỚP 6/8	NAM	26/3/2011	4/1/2023	43	149	19.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	LỚP 6/8	NAM	20/8/2011	4/1/2023	79	157	32.0	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	ĐẶNG VĨNH KHANG	LỚP 6/8	NAM	21/7/2011	4/1/2023	70	156	28.8	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN GIA HUY	LỚP 6/8	NAM	3/1/2011	4/1/2023	36	151	15.8	BT	BT	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	PHẠM HỒNG PHÁT	LỚP 6/8	NAM	12/12/2011	4/1/2023	39	147	18.0	BT	BT	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN NHẬT MINH HUY	LỚP 6/8	NAM	19/4/2011	4/1/2023	50	157	20.3	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	NGÔ PHƯỚC THỊNH	LỚP 6/8	NAM	25/1/2011	4/1/2023	51	140	26.0	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	ĐINH KHAI HOÀN	LỚP 6/8	NAM	19/3/2010	4/1/2023	70	157	28.4	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	LÊ TRƯỞNG MINH THÔNG	LỚP 6/8	NAM	25/12/2011	4/1/2023	38	154	16.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN THÀNH ĐỊNH	LỚP 6/8	NAM	24/5/2011	4/1/2023	46	142	22.8	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	LÊ THỊ HUYỀN TRẦN	LỚP 6/8	NỮ	24/3/2011	4/1/2023	45	162	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	TRẦN HOÀNG MY	LỚP 6/8	NỮ	19/2/2011	4/1/2023	54	153	23.1	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	ĐỖ NGUYỄN MI PHA	LỚP 6/8	NỮ	11/1/2011	4/1/2023	39	146	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	CHÂN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	TRỊNH HOÀNG TRÚC QUỲNH	LỚP 6/8	NỮ	28/8/2011	4/1/2023	38	141	19.1	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN VÕ NHƯ QUỲNH	LỚP 6/8	NỮ	13/8/2011	4/1/2023	25	138	13.1	TCTT	THIẾU CẢN TRÂM TRỌNG	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	DƯƠNG NGUYỄN YẾN NHI	LỚP 6/8	NỮ	17/9/2011	4/1/2023	35	149	15.8	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN NGỌC KHÁNH CHI	LỚP 6/8	NỮ	6/12/2011	4/1/2023	60	162	22.9	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	TRẦN HẢI YẾN	LỚP 6/8	NỮ	26/5/2011	4/1/2023	57	155	23.7	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	LỚP 6/8	NỮ	17/7/2011	4/1/2023	55	152	23.8	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	THÔI HỒNG THẢO NGÂN	LỚP 6/8	NỮ	14/5/2011	4/1/2023	50	158	20.0	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	TRƯƠNG QUỲNH ANH	LỚP 6/8	NỮ	28/12/2011	4/1/2023	22	135	12.1	TCTT	THIẾU CẢN TRÂM TRỌNG	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	LỚP 6/8	NỮ	19/4/2011	4/1/2023	49	154	20.7	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	QUÁCH TUỆ MẦN	LỚP 6/8	NỮ	16/4/2011	4/1/2023	42	149	18.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
35	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	LỚP 6/8	NỮ	14/12/2011	4/1/2023	46	143	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN HUỲNH CẨM NHI	LỚP 6/8	NỮ	14/6/2011	4/1/2023	50	158	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGUYỄN HẢI HÀ	LỚP 6/8	NỮ	24/12/2011	4/1/2023	39	149	17.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	TRÌNH TRẦN NGỌC DIỆU	LỚP 6/8	NỮ	29/11/2011	4/1/2023	45	144	21.7	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	LÊ NGỌC BÍCH	LỚP 6/8	NỮ	9/10/2011	4/1/2023	37	149	16.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
40	PHAN THANH THẢO	LỚP 6/8	NỮ	16/1/2009	4/1/2023	35	148	16.0	BT	BT	DỊ TẬT KHUYẾT 1 TAY 1 CHÂN PHẢI	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 6/9</u>																
1	NGUYỄN THANH PHONG	LỚP 6/9	NAM	7/10/2010	4/1/2023	47	157	19.1	BT	BT	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN THẾ ANH	LỚP 6/9	NAM	14/2/2011	4/1/2023	86	165	31.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	TRẦN QUỐC HOÀNG	LỚP 6/9	NAM	23/5/2011	4/1/2023	49	150	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	VŨ TUẤN Hào	LỚP 6/9	NAM	29/5/2011	4/1/2023	54	153	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN HOÀNG ANH HUY	LỚP 6/9	NAM	22/5/2011	4/1/2023	55	153	23.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	PHAN HOÀNG MINH	LỚP 6/9	NAM	3/2/2010	4/1/2023	77	169	27.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	PHÙNG THANH PHONG	LỚP 6/9	NAM	16/12/2011	4/1/2023	49	135	26.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	PHAN MINH HIẾU	LỚP 6/9	NAM	29/3/2011	4/1/2023	35	138	18.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LÊ TRỌNG PHÚC	LỚP 6/9	NAM	17/10/2011	4/1/2023	33	146	15.5	BT	BT	BT	BT	BT	VỎI RĂNG, CHÂN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	ĐỖ GIA TƯỜNG	LỚP 6/9	NAM	24/6/2011	4/1/2023	28	141	14.1	TCTT	THIẾU CÂN TRẦM TRỌNG	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	LÊ VÔ HOÀNG HUY	LỚP 6/9	NAM	14/5/2011	4/1/2023	44	144	21.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	DIỆP QUỐC THỊNH	LỚP 6/9	NAM	29/4/2011	4/1/2023	47	147	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN TRẦN MINH KHANG	LỚP 6/9	NAM	6/9/2010	4/1/2023	34	141	17.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	LÂM VÔ MINH HIẾU	LỚP 6/9	NAM	4/11/2011	4/1/2023	44	148	20.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN TRẦN HOÀNG ANH	LỚP 6/9	NAM	6/9/2011	4/1/2023	76	172	25.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN HOÀNG LUÂN	LỚP 6/9	NAM	4/7/2010	4/1/2023	38	140	19.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN TẤN TÀI	LỚP 6/9	NAM	1/10/2011	4/1/2023	26	133	14.7	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	MAI TRUNG TOÀN	LỚP 6/9	NAM	31/10/2011	4/1/2023	45	153	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	TRƯƠNG THANH HÙNG	LỚP 6/9	NAM	9/12/2011	4/1/2023	34	142	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
20	BÙI PHẠM PHƯƠNG TUYỀN	LỚP 6/9	NỮ	3/3/2011	4/1/2023	47	155	19.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	HUỶNH THỊ NGỌC HƯƠNG	LỚP 6/9	NỮ	15/4/2011	4/1/2023	41	145	19.5	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	LÊ KIM NGÂN	LỚP 6/9	NỮ	11/8/2010	4/1/2023	34	145	16.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN NGÂN KHÁNH	LỚP 6/9	NỮ	18/8/2011	4/1/2023	30	148	13.7	TCTT	THIẾU CẢN TRÂM TRỌNG	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN THỊ THANH KIỀU	LỚP 6/9	NỮ	29/12/2010	4/1/2023	35	148	16.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	PHAN NGUYỄN ANH THƯ	LỚP 6/9	NỮ	13/3/2011	4/1/2023	56	161	21.6	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	ĐÀO ÁNH THƯ	LỚP 6/9	NỮ	7/10/2011	4/1/2023	36	144	17.4	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	TRẦN NGỌC KIM NGÂN	LỚP 6/9	NỮ	23/3/2011	4/1/2023	37	154	15.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	LỚP 6/9	NỮ	29/9/2011	4/1/2023	36	148	16.4	BT	BT	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	ĐOÀN THỊ ANH THƯ	LỚP 6/9	NỮ	10/3/2011	4/1/2023	49	150	21.8	BP	BÉO PHỈ	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	THÁI THỊ TUYẾT NGÀ	LỚP 6/9	NỮ	9/5/2011	4/1/2023	42	148	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	ĐÀO PHƯƠNG LINH	LỚP 6/9	NỮ	19/7/2011	4/1/2023	48	154	20.2	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	HUỶNH THỊ NGỌC VY	LỚP 6/9	NỮ	31/10/2011	4/1/2023	65	155	27.1	BP	BÉO PHỈ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	LỚP 6/9	NỮ	23/7/2010	4/1/2023	58	152	25.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	ĐINH THANH THỦY TRÚC	LỚP 6/9	NỮ	2/10/2011	4/1/2023	45	152	19.5	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 6/10</u>																
1	ĐẶNG NGỌC YẾN VY	LỚP 6/10	NỮ	23/5/2011	4/1/2023	38	144	18.3	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	LÊ VÔ YẾN NHIÊN	LỚP 6/10	NỮ	7/9/2009	4/1/2023	37	155	15.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	MẠCH HOÀNG NHI	LỚP 6/10	NỮ	2/2/2011	4/1/2023	58	150	25.8	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	VÔ ANH THƯ	LỚP 6/10	NỮ	17/6/2011	4/1/2023	44	155	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	TRỊNH THỊ DIỄM PHƯƠNG	LỚP 6/10	NỮ	18/9/2010	4/1/2023	38	135	20.9	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	VÔ THỊ THẢO TRANG	LỚP 6/10	NỮ	17/7/2011	4/1/2023	38	137	20.2	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	TRẦN NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	LỚP 6/10	NỮ	17/9/2011	4/1/2023	30	141	15.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
8	LÂM THỤY NGỌC BÍCH	LỚP 6/10	NỮ	10/1/2011	4/1/2023	22	136	11.9	TCTT	THIẾU CẢN TRÂM TRỌNG	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	HÀ MỸ LINH	LỚP 6/10	NỮ	14/9/2011	4/1/2023	57	157	23.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	NGUYỄN ĐẶNG THỦY AN	LỚP 6/10	NỮ	26/1/2011	4/1/2023	30	140	15.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
11	LƯU NGỌC NHI	LỚP 6/10	NỮ	6/8/2011	4/1/2023	49	150	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	PHAN NHẬT HUY	LỚP 6/10	NAM	5/3/2011	4/1/2023	32	146	15.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	ĐOÀN HOÀNG THẢO	LỚP 6/10	NAM	23/10/2011	4/1/2023	38	147	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN TRẦN VĂN LÊ	LỚP 6/10	NAM	15/3/2011	4/1/2023	35	136	18.9	BT	BT	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN TÂN PHÁT	LỚP 6/10	NAM	14/4/2011	4/1/2023	29	146	13.6	TCTT	THIẾU CÂN TRẮM TRỌNG	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	DƯƠNG MINH NGÔ	LỚP 6/10	NAM	26/9/2011	4/1/2023	35	142	17.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
17	CAO NGỌC THIÊN THANH	LỚP 6/10	NỮ	9/6/2011	4/1/2023	48	155	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	ĐOÀN TRÂM ANH	LỚP 6/10	NỮ	19/7/2011	4/1/2023	94	160	36.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	LÊ NGUYỄN THÀNH ĐẠT	LỚP 6/10	NAM	17/3/2011	4/1/2023	67	152	29.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGÔ TÂN QUY	LỚP 6/10	NAM	25/10/2010	4/1/2023	79	164	29.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	PHAN ĐĂNG KHÔI	LỚP 6/10	NAM	12/3/2011	4/1/2023	80	151	35.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN LÊ TÂN QUÍ	LỚP 6/10	NAM	31/10/2011	4/1/2023	45	143	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN HUY HOÀNG	LỚP 6/10	NAM	17/8/2010	4/1/2023	47	158	18.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN LÊ MINH THUẬN	LỚP 6/10	NAM	1/10/2011	4/1/2023	40	144	19.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
25	THẠCH ÔNG THANH HẬU	LỚP 6/10	NAM	26/3/2011	4/1/2023	33	143	16.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN GIA HÙNG	LỚP 6/10	NAM	31/7/2011	4/1/2023	48	148	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	PHAN NGUYỄN VINH QUANG	LỚP 6/10	NAM	9/9/2011	4/1/2023	40	143	19.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
28	PHẠM BẢO ANH	LỚP 6/10	NAM	9/11/2011	4/1/2023	57	147	26.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGUYỄN XUÂN THÀNH	LỚP 6/10	NAM	4/1/2011	4/1/2023	37	144	17.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN HOÀNG TÚ	LỚP 6/10	NAM	12/8/2011	4/1/2023	66	149	29.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	TRẦN QUỐC PHONG	LỚP 6/10	NAM	21/9/2011	4/1/2023	73	155	30.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	VÔ QUỐC TOÀN	LỚP 6/10	NAM	30/7/2011	4/1/2023	51	163	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
33	PHAN THÀNH TÍN	LỚP 6/10	NAM	24/10/2011	30/1/2023	49	144	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN MINH TRÍ	LỚP 6/10	NAM	8/9/2011	4/1/2023	50	150	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 6/11																
1	HỒ NGUYỄN KHÔI	LỚP 6/11	NAM	17/9/2011	4/1/2023	36	147	16.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	LỚP 6/11	NAM	10/7/2011	4/1/2023	43	152	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
3	ĐỖ THIÊN NHÂN	LỚP 6/11	NAM	28/3/2011	4/1/2023	60	143	29.3	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	THẠCH PHẠM HOÀNG HUY	LỚP 6/11	NAM	5/7/2011	4/1/2023	49	157	19.9	BT	BT	CHĂM DA	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN DUY ANH	LỚP 6/11	NAM	12/6/2011	4/1/2023	43	143	21.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	LỚP 6/11	NAM	1/12/2011	4/1/2023	37	142	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
7	HUỲNH TƯỜNG CHIÊU	LỚP 6/11	NAM	14/11/2010	4/1/2023	33	142	16.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	ĐÀO KIM THỂ VINH	LỚP 6/11	NAM	5/7/2011	4/1/2023	70	163	26.3	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGÔ QUỐC THẮNG	LỚP 6/11	NAM	6/9/2011	4/1/2023	35	150	15.6	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	CHUNG TẤN TÀI	LỚP 6/11	NAM	16/9/2010	4/1/2023	39	152	16.9	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	HUỲNH MINH TUẤN	LỚP 6/11	NAM	6/2/2010	4/1/2023	52	150	23.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN MINH HUY	LỚP 6/11	NAM	11/11/2011	4/1/2023	49	148	22.4	BP	BÉO PHỈ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN TẤN PHÁT	LỚP 6/11	NAM	11/7/2011	4/1/2023	39	155	16.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	TRẦN THANH HUY	LỚP 6/11	NAM	17/11/2011	4/1/2023	53	147	24.5	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN MINH THIÊN	LỚP 6/11	NAM	7/9/2010	4/1/2023	32	149	14.4	NC	NHẸ CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	PHẠM THÁNH TÀI	LỚP 6/11	NAM	11/10/2011	4/1/2023	32	137	17.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	TRẦN LÊ TRUNG HIẾU	LỚP 6/11	NAM	5/6/2009	4/1/2023	65	165	23.9	BP	BÉO PHỈ	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	TRƯƠNG KIỀU DIỄM	LỚP 6/11	NỮ	9/9/2011	4/1/2023	32	142	15.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	PHẠM VIÊN HỒNG ANH	LỚP 6/11	NỮ	4/12/2011	4/1/2023	37	145	17.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN NGỌC THANH TUYỀN	LỚP 6/11	NỮ	14/7/2011	4/1/2023	37	149	16.7	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRƯƠNG BÌNH PHƯƠNG	LỚP 6/11	NỮ	7/9/2011	4/1/2023	30	149	13.5	TCTT	THIỆU CÂN TRÂM TRỌNG	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	TRẦN THỊ THU CÚC	LỚP 6/11	NỮ	9/2/2011	4/1/2023	41	155	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	ĐOÀN NGỌC YẾN	LỚP 6/11	NỮ	24/12/2011	4/1/2023	33	150	14.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	THẠCH THỊ KHÁI YẾN	LỚP 6/11	NỮ	20/2/2011	4/1/2023	42	156	17.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
25	HUỲNH AN NA	LỚP 6/11	NỮ	22/5/2011	4/1/2023	35	145	16.6	BT	BT	BT	BT	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN HỒNG NHÌ	LỚP 6/11	NỮ	27/9/2011	4/1/2023	36	143	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN THỊ KIM THOA	LỚP 6/11	NỮ	9/1/2011	4/1/2023	54	154	22.8	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	DANH THỊ NGỌC HÂN	LỚP 6/11	NỮ	17/7/2011	4/1/2023	32	148	14.6	BT	BT	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	ĐỖ NGỌC HỒNG NHUNG	LỚP 6/11	NỮ	10/2/2011	4/1/2023	47	150	20.9	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	LỚP 6/11	NỮ	9/11/2011	4/1/2023	54	154	22.8	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	LÊ PHẠM THÚY NGÂN	LỚP 6/11	NỮ	11/2/2011	4/1/2023	34	145	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
32	NGUYỄN TRẦN VINH CÔNG	LỚP 6/11	NAM	20/12/2011	4/1/2023	47	148	21.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN THỊ LAN ANH	LỚP 6/11	NỮ	20/5/2010	4/1/2023	54	141	27.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	TRẦN NGUYỄN ANH THƯ	LỚP 6/11	NỮ	23/10/2011	4/1/2023	54	150	24.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	HOÀNG THÁI BẢO	LỚP 6/11	NAM	15/9/2011	4/1/2023	50	149	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 7/1</u>																
1	LÊ HOÀNG THÁI NHƯ	LỚP 7/1	NỮ	19/8/2010	4/1/2023	42	151	18.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	DƯƠNG NGUYỆT HẰNG	LỚP 7/1	NỮ	26/3/2010	4/1/2023	53	154	22.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	PHÙNG NGỌC VÂN ANH	LỚP 7/1	NỮ	16/9/2010	4/1/2023	52	163	19.6	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	ĐÌNH VŨ TRÚC ANH	LỚP 7/1	NỮ	3/12/2010	4/1/2023	52	158	20.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	LÊ NGỌC HẢI DUYÊN	LỚP 7/1	NỮ	3/12/2010	4/1/2023	50	154	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN HOÀNG LAN	LỚP 7/1	NỮ	13/10/2009	4/1/2023	53	164	19.7	ThC	HEN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	PHAN NGỌC ĐĂNG GIAO	LỚP 7/1	NỮ	23/6/2010	4/1/2023	59	163	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	LỚP 7/1	NỮ	15/3/2010	4/1/2023	50	162	19.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LƯU CẨM HÀ	LỚP 7/1	NỮ	31/7/2010	4/1/2023	42	158	16.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
10	OBA HOÀI AN	LỚP 7/1	NAM	21/6/2010	4/1/2023	35	149	15.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	LƯU HOÀNG GIA AN	LỚP 7/1	NAM	5/2/2010	4/1/2023	36	148	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN ĐỨC SONG THƯ	LỚP 7/1	NỮ	30/9/2010	4/1/2023	36	154	15.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	TRẦN NGỌC ÁNH DƯƠNG	LỚP 7/1	NỮ	24/10/2010	4/1/2023	36	156	14.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN ANH TRANG	LỚP 7/1	NỮ	12/6/2010	4/1/2023	51	160	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN MINH KHUÊ	LỚP 7/1	NỮ	5/8/2010	4/1/2023	51	152	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN NGỌC VÂN KHÁNH	LỚP 7/1	NỮ	18/11/2010	4/1/2023	47	152	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN TƯỜNG VY	LỚP 7/1	NỮ	18/7/2010	4/1/2023	58	160	22.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	TRẦN VĂN HẢI	LỚP 7/1	NAM	6/2/2010	4/1/2023	52	156	21.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	TRẦN ANH TUẤN	LỚP 7/1	NAM	1/1/2010	4/1/2023	54	153	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN PHƯỚC TRUNG	LỚP 7/1	NAM	10/2/2010	4/1/2023	53	157	21.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	PHAN NGỌC PHƯƠNG VY	LỚP 7/1	NỮ	11/1/2010	4/1/2023	102	164	37.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
22	NGUYỄN NGỌC QUYÊN	LỚP 7/1	NỮ	4/8/2010	4/1/2023	55	170	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN HỒ THIÊN PHÚC	LỚP 7/1	NỮ	9/5/2010	4/1/2023	30	142	14.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGÔ CHẤN LƯỢNG	LỚP 7/1	NỮ	10/8/2010	4/1/2023	30	136	16.2	BT	VIÊM DẠ DÀY	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	TRẦN HẢI DĂNG	LỚP 7/1	NAM	14/11/2010	4/1/2023	53	155	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN BẢO THY	LỚP 7/1	NỮ	20/4/2010	4/1/2023	39	155	16.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN NGỌC HÀ	LỚP 7/1	NỮ	17/12/2010	4/1/2023	41	157	16.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	LÊ NHÃ UYÊN	LỚP 7/1	NỮ	1/5/2010	4/1/2023	43	154	18.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	LÊ TRẦN QUANG BẢO	LỚP 7/1	NAM	28/5/2010	4/1/2023	50	160	19.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN THÁI NGỌC AN	LỚP 7/1	NỮ	5/5/2010	4/1/2023	45	165	16.5	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGUYỄN TÀN PHÁT	LỚP 7/1	NAM	26/2/2010	4/1/2023	66	160	25.8	BP	BÉO PHÌ	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	LÊ VÕ THỊNH VƯỢNG	LỚP 7/1	NAM	14/5/2010	4/1/2023	44	155	18.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN HOÀNG THIÊN LONG	LỚP 7/1	NAM	8/6/2010	4/1/2023	60	166	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	TRẦN CHÍ KIÊN	LỚP 7/1	NAM	5/2/2010	4/1/2023	65	161	25.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN TUẤN AN	LỚP 7/1	NAM	6/8/2010	4/1/2023	50	169	17.5	ThC	THỪA CÂN	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN ĐẶNG ĐÌNH THIỆN	LỚP 7/1	NAM	17/1/2010	4/1/2023	45	156	18.5	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	PHẠM QUÊ ANH	LỚP 7/1	NỮ	21/5/2010	4/1/2023	40	158	16.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN TRUNG TRÍ	LỚP 7/1	NAM	29/4/2010	4/1/2023	48	169	16.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	DƯƠNG MINH TRÍ	LỚP 7/1	NAM	4/10/2010	4/1/2023	54	166	19.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	NGUYỄN HUỖNH MÃN NGHI	LỚP 7/1	NỮ	4/5/2010	3/2/1900	34	150	15.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	HUỖNH LÊ KHÁNH NGỌC	LỚP 7/1	NỮ	29/7/2010	4/1/2023	64	161	24.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	TÀO MINH KHANG	LỚP 7/1	NAM	15/10/2010	4/1/2023	49	155	20.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
43	NGUYỄN HOÀNG ANH KIẾT	LỚP 7/1	NAM	12/3/2010	4/1/2023	62	155	25.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 7/2</u>																
1	TRẦN HUỖNH KHÁNH THY	LỚP 7/2	NỮ	28/10/2010	4/1/2023	50	156	20.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN NGỌC THUỶ DƯƠNG	LỚP 7/2	NỮ	1/8/2010	4/1/2023	86	153	36.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	DƯƠNG HỒNG VÂN	LỚP 7/2	NỮ	1/11/2010	4/1/2023	48	153	20.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	TRẦN PHƯƠNG DIỄM QUỲNH	LỚP 7/2	NỮ	27/2/2010	4/1/2023	60	166	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
5	ĐẶNG THỤY THANH TRÚC	LỚP 7/2	NỮ	8/4/2010	4/1/2023	47	158	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
6	ĐẶNG LƯƠNG THANH HẰNG	LỚP 7/2	NỮ	8/7/2010	4/1/2023	40	151	17.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	RĂNG 6 TRÊN MÃO KIM LOẠI	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	LỚP 7/2	NỮ	28/4/2010	4/1/2023	52	149	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	ĐẶNG HOÀNG BẢO NGỌC	LỚP 7/2	NỮ	5/1/2010	4/1/2023	70	167	25.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	TRƯƠNG TRIỆU VY	LỚP 7/2	NỮ	21/5/2010	4/1/2023	62	158	24.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	TRẦN LÊ THANH NGỌC	LỚP 7/2	NỮ	10/9/2010	4/1/2023	58	159	22.9	BP	BÉO PHÌ	VIÊM NANG LÔNG 2 CẶNG CHÂN	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	DƯƠNG NGỌC BẢO CHÂU	LỚP 7/2	NỮ	9/1/2010	4/1/2023	46	157	18.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN THANH TRUNG	LỚP 7/2	NAM	27/12/2010	4/1/2023	70	155	29.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	VŨ MAI PHƯƠNG	LỚP 7/2	NỮ	4/10/2010	4/1/2023	52	159	20.6	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	ĐẶNG LƯƠNG MINH HẰNG	LỚP 7/2	NỮ	8/7/2010	4/1/2023	45	150	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN LÂM GIA BẢO	LỚP 7/2	NAM	21/1/2010	4/1/2023	56	160	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGÔ GIA KHANG	LỚP 7/2	NAM	7/9/2010	4/1/2023	64	158	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	TRỊNH THÀNH NHÂN	LỚP 7/2	NAM	22/1/2010	4/1/2023	60	165	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	LƯƠNG HOÀNG LONG	LỚP 7/2	NAM	14/12/2010	4/1/2023	55	150	24.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN AN KHƯƠNG	LỚP 7/2	NAM	3/5/2010	4/1/2023	36	148	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN HIỀN LINH	LỚP 7/2	NỮ	18/11/2010	4/1/2023	41	148	18.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
21	PHAN ĐỨC DUY	LỚP 7/2	NAM	3/10/2010	4/1/2023	33	145	15.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN HỒ MINH KHÔI	LỚP 7/2	NAM	10/4/2010	4/1/2023	45	160	17.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	HỨA HAI ĐĂNG	LỚP 7/2	NAM	22/12/2010	4/1/2023	74	154	31.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	LAI VĂN TÂM	LỚP 7/2	NAM	7/5/2010	4/1/2023	55	154	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	TRẦN MINH TRIẾT	LỚP 7/2	NAM	14/8/2010	4/1/2023	49	157	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	ĐẶNG LƯƠNG VIỆT DỪNG	LỚP 7/2	NAM	8/7/2010	4/1/2023	40	155	16.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	ĐỖ TUẤN SANG	LỚP 7/2	NAM	23/10/2010	4/1/2023	33	149	14.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
28	LÊ MINH TÂM	LỚP 7/2	NAM	7/10/2010	4/1/2023	34	152	14.7	BT	BT	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	ĐÀO ĐĂNG KHOA	LỚP 7/2	NAM	26/3/2010	4/1/2023	35	144	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	TRẦN ĐỨC HUY	LỚP 7/2	NAM	15/9/2010	4/1/2023	55	154	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGUYỄN TĂNG TUẤN	LỚP 7/2	NAM	8/12/2010	4/1/2023	54	162	20.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	TRẦN GIA PHÚC	LỚP 7/2	NAM	25/9/2010	4/1/2023	85	164	31.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
33	NHIẾP TRẦN CHÍ ĐẠT	LỚP 7/2	NAM	5/3/2010	4/1/2023	67	172	22.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	BÙI PHẠM GIA HUY	LỚP 7/2	NAM	14/6/2010	4/1/2023	74	173	24.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	ĐẶNG MINH QUANG	LỚP 7/2	NAM	6/12/2010	4/1/2023	52	160	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	MP TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	LỚP 7/2	NAM	17/11/2010	4/1/2023	50	164	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
37	TRẦN QUANG DUY	LỚP 7/2	NAM	22/4/2010	4/1/2023	64	169	22.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	HÀ ĐỨC TRỌNG	LỚP 7/2	NAM	28/3/2010	4/1/2023	70	156	28.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	VŨ VĂN XUYỀN	LỚP 7/2	NAM	10/7/2010	4/1/2023	36	162	13.7	TCTT	THIẾU CÂN TRẦM TRỌNG	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	TRƯƠNG BẢO NGỌC	LỚP 7/2	NỮ	5/2/2010	4/1/2023	41	149	18.5	BT	BT	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	NGUYỄN HÂN NGUYỄN	LỚP 7/2	NỮ	23/4/2010	4/1/2023	44	154	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 7/3</u>																
1	PHAN CHÍ HẢI	LỚP 7/3	NAM	2/10/2010	4/1/2023	40	162	15.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
2	LÊ HOÀI PHÚC	LỚP 7/3	NAM	15/9/2010	4/1/2023	59	160	23.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	NGUYỄN TUẤN KHAI	LỚP 7/3	NAM	25/6/2010	4/1/2023	58	148	26.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	ĐẶNG HÙNG THỊNH	LỚP 7/3	NAM	19/6/2010	4/1/2023	42	158	16.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ MP > 7/10, MT < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	LỚP 7/3	NAM	8/10/2010	4/1/2023	52	152	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN THÀNH DANH	LỚP 7/3	NAM	20/6/2010	4/1/2023	70	159	27.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM AMYDAN	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN CAO TRỌNG KHANG	LỚP 7/3	NAM	10/12/2010	4/1/2023	30	141	15.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	LỚP 7/3	NAM	18/12/2010	4/1/2023	49	145	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	PHAN ĐÔNG HOÀNG	LỚP 7/3	NAM	23/6/2010	4/1/2023	41	148	18.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LA QUỐC ĐĂNG KHOA	LỚP 7/3	NAM	17/9/2010	4/1/2023	69	164	25.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	TRẦN GIA HẢO	LỚP 7/3	NAM	30/12/2010	4/1/2023	55	158	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN VÕ MINH QUÂN	LỚP 7/3	NAM	22/8/2010	4/1/2023	38	142	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN PHẠM TUYẾT XUÂN	LỚP 7/3	NỮ	1/11/2010	4/1/2023	56	159	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN THIỆN THANH	LỚP 7/3	NAM	26/1/2010	4/1/2023	62	159	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	MAI THỊ THANH TRÚC	LỚP 7/3	NỮ	28/7/2010	4/1/2023	52	154	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN NGÔ TRÚC VY	LỚP 7/3	NỮ	4/3/2010	4/1/2023	71	159	28.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	CHUNG BẢO NGỌC	LỚP 7/3	NỮ	9/8/2010	4/1/2023	40	161	15.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
18	VĂN KHẮC HÒA	LỚP 7/3	NAM	28/5/2010	4/1/2023	48	155	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	ĐOÀN THỊ MỸ HẰNG	LỚP 7/3	NỮ	29/6/2009	4/1/2023	57	156	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	TRANG NGUYỄN NGỌC VY	LỚP 7/3	NỮ	28/1/2010	4/1/2023	55	148	25.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGÔ NGỌC HÀ	LỚP 7/3	NỮ	2/3/2010	4/1/2023	43	148	19.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGÔ NGỌC HẰN	LỚP 7/3	NỮ	2/3/2010	4/1/2023	37	147	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	PHAN NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	LỚP 7/3	NỮ	9/2/2010	4/1/2023	39	155	16.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	TRẦN THANH LAN UYÊN	LỚP 7/3	NỮ	16/8/2010	4/1/2023	60	158	24.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	PHAN KIM TIỀN	LỚP 7/3	NỮ	3/2/2010	4/1/2023	47	160	18.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	LÊ HOÀNG YÊN	LỚP 7/3	NỮ	23/5/2010	4/1/2023	49	146	23.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN NGỌC THÚY LINH	LỚP 7/3	NỮ	10/10/2010	4/1/2023	40	153	17.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN VÕ QUỲNH ANH	LỚP 7/3	NỮ	23/10/2010	4/1/2023	49	153	20.9	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGÔ THỊ THÙY VÂN	LỚP 7/3	NỮ	16/5/2010	4/1/2023	51	155	21.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	DƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN	LỚP 7/3	NỮ	3/4/2010	4/1/2023	47	157	19.1	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI DỊ ỨNG	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGUYỄN HOÀNG KIM THƯ	LỚP 7/3	NỮ	17/4/2010	4/1/2023	60	154	25.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ MP < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	TRẦN THỊ HUỲNH THY	LỚP 7/3	NỮ	30/8/2010	4/1/2023	35	151	15.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ MP < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN THỊ DIỄM NGỌC	LỚP 7/3	NỮ	28/5/2010	4/1/2023	51	162	19.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
34	CHÂU HỮU PHƯỚC	LỚP 7/3	NAM	17/8/2010	4/1/2023	45	162	17.1	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	LÊ ĐÌNH QUỐC BÌNH	LỚP 7/3	NAM	9/6/2010	4/1/2023	41	158	16.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	PHẠM NHÃ THUY	LỚP 7/3	NỮ	17/10/2010	4/1/2023	78	165	28.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	ĐẶNG THỊ NGỌC NHƯ	LỚP 7/3	NỮ	25/4/2010	4/1/2023	48	165	17.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	TÔ VŨ ĐĂNG	LỚP 7/3	NAM	14/9/2010	4/1/2023	64	158	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	LÊ HỮA HUY ĐỨC	LỚP 7/3	NAM	27/5/2010	4/1/2023	44	152	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 7/4																
1	NGUYỄN MINH TRÍ	LỚP 7/4	NAM	18/10/2009	4/1/2023	47	150	20.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	HUỲNH GIA VĂN	LỚP 7/4	NAM	3/6/2010	4/1/2023	62	151	27.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYDAL QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
3	CHÂU PHÚC THỊNH	LỚP 7/4	NAM	17/3/2010	4/1/2023	54	152	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYDAL QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	CHUNG NGUYỄN HOÀNG LONG	LỚP 7/4	NAM	17/3/2010	4/1/2023	76	157	30.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	TRẦN PHƯƠNG THAO	LỚP 7/4	NỮ	2/8/2010	4/1/2023	31	144	14.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
6	LÊ THANH TIẾN	LỚP 7/4	NAM	25/8/2010	4/1/2023	68	166	24.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	VÔ NHẬT TRƯỜNG CHINH	LỚP 7/4	NAM	16/9/2010	4/1/2023	44	152	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	VÔ PHẠM THANH MESSY	LỚP 7/4	NAM	11/1/2010	4/1/2023	49	147	22.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN TÂN THÁI HẢI	LỚP 7/4	NAM	21/7/2010	4/1/2023	66	166	24.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ HOÀNG YẾN	LỚP 7/4	NỮ	20/11/2010	4/1/2023	39	150	17.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
11	LÊ NGUYỄN HOÀNG PHÚC	LỚP 7/4	NAM	4/11/2010	4/1/2023	65	163	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	ĐOÀN ANH KHOA	LỚP 7/4	NAM	9/9/2010	4/1/2023	52	167	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
13	KHÚC ĐÌNH GIA BẢO	LỚP 7/4	NAM	13/2/2010	4/1/2023	76	162	29.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN THANH DỪNG	LỚP 7/4	NAM	10/10/2010	4/1/2023	62	165	22.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	TRƯƠNG QUỐC BẢO	LỚP 7/4	NAM	26/10/2010	4/1/2023	43	160	16.8	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	TRẦN NGUYỄN PHÁT	LỚP 7/4	NAM	24/1/2010	4/1/2023	44	158	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN MINH NHỰT	LỚP 7/4	NAM	16/3/2010	4/1/2023	51	168	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	LẠI GIA KHANG	LỚP 7/4	NAM	30/7/2010	4/1/2023	35	140	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
19	BÙI ĐÌNH GIA HUY	LỚP 7/4	NAM	31/3/2010	4/1/2023	59	157	23.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN PHẠM NGỌC HÂN	LỚP 7/4	NỮ	14/12/2010	4/1/2023	47	154	19.8	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	LÝ QUÊ CHÂU	LỚP 7/4	NỮ	12/5/2010	4/1/2023	46	166	16.7	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	LÊ TƯỜNG VY	LỚP 7/4	NỮ	7/1/2010	4/1/2023	43	149	19.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN TRỊNH HOÀI AN	LỚP 7/4	NỮ	13/3/2010	4/1/2023	85	169	29.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN KHÁNH LINH	LỚP 7/4	NỮ	13/7/2010	4/1/2023	25	137	13.3	TCTT	THIẾU CÂN TRÁM TRỌNG	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ	LỚP 7/4	NỮ	3/5/2010	4/1/2023	36	149	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	LỚP 7/4	NỮ	26/4/2010	4/1/2023	39	148	17.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	LÊ HẢI YẾN	LỚP 7/4	NỮ	13/5/2010	4/1/2023	53	152	22.9	BP	BÉO PHÌ	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
28	NGUYỄN NGỌC TUYẾT NHƯ	LỚP 7/4	NỮ	4/1/2010	4/1/2023	47	149	21.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM AMYDAL CẤP, HỒ MÔI VÀ VÒM ĐÁ PHÁU THUẬT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGUYỄN THANH TRÚC	LỚP 7/4	NỮ	2/8/2010	4/1/2023	65	163	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	DƯƠNG THỊ NGỌC TRẦN	LỚP 7/4	NỮ	30/3/2010	4/1/2023	55	150	24.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGUYỄN THỰC UYÊN	LỚP 7/4	NỮ	24/10/2010	4/1/2023	38	146	17.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	VÕ THỊ CẨM THU	LỚP 7/4	NỮ	6/9/2010	4/1/2023	36	154	15.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	DANH THỊ ANH DƯƠNG	LỚP 7/4	NỮ	9/2/2010	4/1/2023	55	153	23.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	LỚP 7/4	NỮ	15/9/2010	4/1/2023	37	149	16.7	BT	BT	BT	BT	AMYDALE QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	TRƯỜNG NGỌC LÂM	LỚP 7/4	NAM	30/11/2010	4/1/2023	45	141	22.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	LÊ NGỌC THIÊN KIM	LỚP 7/4	NỮ	7/1/2010	4/1/2023	40	150	17.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	CHUNG NGỌC NHI	LỚP 7/4	NỮ	8/4/2010	4/1/2023	47	146	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	THẠCH HOÀNG TUÂN	LỚP 7/4	NAM	10/2/2010	4/1/2023	55	155	22.9	BP	BÉO PHÌ	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 7/5</u>																
1	NGUYỄN NGỌC HUỖNH ANH	LỚP 7/5	NỮ	1/6/2010	4/1/2023	54	158	21.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	TRẦN NGỌC HOÀNG YẾN	LỚP 7/5	NỮ	3/3/2010	4/1/2023	44	157	17.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	BÙI NGỌC PHƯƠNG THÀNH	LỚP 7/5	NỮ	8/12/2010	4/1/2023	48	156	19.7	ThC	THỪA CÂN	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	TRƯỜNG THỊ THANH MAI	LỚP 7/5	NỮ	6/2/2010	4/1/2023	43	164	16.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	LỚP 7/5	NỮ	2/2/2010	4/1/2023	34	146	16.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	BÙI THỊ LỆ QUYÊN	LỚP 7/5	NỮ	7/2/2010	4/1/2023	35	151	15.4	BT	BT	VIÊM NANG LÔNG 2 CĂNG CHÂN	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN THỊ MINH VY	LỚP 7/5	NỮ	18/7/2010	4/1/2023	55	154	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN HÀ THẢO TRINH	LỚP 7/5	NỮ	13/8/2010	4/1/2023	48	157	19.5	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LÊ HỒNG THẨM	LỚP 7/5	NỮ	6/11/2010	4/1/2023	46	152	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ HÙNG GIA HÂN	LỚP 7/5	NỮ	16/11/2010	4/1/2023	44	152	19.0	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN THÁI NGUYỄN	LỚP 7/5	NỮ	22/4/2010	4/1/2023	48	155	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
12	NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ	LỚP 7/5	NỮ	2/11/2010	4/1/2023	33	145	15.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
13	TRẦN THỊ KIM BÌNH	LỚP 7/5	NỮ	22/12/2010	4/1/2023	48	140	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	ĐỖ HOÀNG NGỌ HAO	LỚP 7/5	NỮ	9/5/2010	4/1/2023	46	155	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	PHẠM ÁNH LINH	LỚP 7/5	NỮ	8/6/2010	4/1/2023	44	151	19.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	LÊ THỊ HOÀNG NHI	LỚP 7/5	NỮ	26/7/2010	4/1/2023	46	152	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	PHAN MINH THƯ	LỚP 7/5	NỮ	22/3/2010	4/1/2023	50	161	19.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	NGUYỄN PHAN NGỌC LI	LỚP 7/5	NỮ	19/2/2010	4/1/2023	38	155	15.8	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	TRẦN KIM HƯƠNG	LỚP 7/5	NỮ	26/2/2010	4/1/2023	38	152	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	DƯƠNG THỊ ÁNH HỒNG	LỚP 7/5	NỮ	30/1/2010	4/1/2023	54	162	20.6	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	LỚP 7/5	NỮ	20/11/2010	4/1/2023	50	166	18.1	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	TÔ PHẠM QUỲNH ANH	LỚP 7/5	NỮ	29/12/2010	4/1/2023	52	148	23.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	ĐÀO QUỲNH ANH	LỚP 7/5	NỮ	9/3/2010	4/1/2023	54	156	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	AMYDAL QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	PHẠM NGỌC BẢO TRẦN	LỚP 7/5	NỮ	4/8/2010	4/1/2023	33	157	13.4	TCTT	THIẾU CÂN TRẦM TRỌNG	BT	MP TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	ĐỖ NGỌC HƯƠNG TIỀN	LỚP 7/5	NỮ	23/9/2010	4/1/2023	40	150	17.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN PHÚC TIỀN	LỚP 7/5	NAM	24/11/2010	4/1/2023	47	160	18.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN THÁI BẢO	LỚP 7/5	NAM	6/10/2010	4/1/2023	45	166	16.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	AMYDALE QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	ĐỖ MINH TUẤN	LỚP 7/5	NAM	21/11/2010	4/1/2023	46	150	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	AMYDALE QUÁ PHÁT, VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	TÔ TRÍ THIỆN	LỚP 7/5	NAM	26/10/2010	4/1/2023	60	170	20.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	ĐOÀN TRƯỞNG ANH KIẾT	LỚP 7/5	NAM	26/12/2010	4/1/2023	53	153	22.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	CHÂU NGUYỄN QUỐC THỊNH	LỚP 7/5	NAM	4/8/2010	4/1/2023	42	163	15.8	BT	BT	BT	MP TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	LỚP 7/5	NỮ	30/5/2010	4/1/2023	64	153	27.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	PHẠM GIA PHÚ	LỚP 7/5	NAM	26/12/2010	4/1/2023	49	163	18.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	ĐOÀN MINH PHÚC	LỚP 7/5	NAM	15/11/2010	4/1/2023	80	161	30.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN TRƯỞNG AN	LỚP 7/5	NAM	24/3/2010	4/1/2023	50	160	19.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN PHI LONG	LỚP 7/5	NAM	28/3/2010	4/1/2023	50	146	23.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
37	TRẦN LÊ ĐẠI PHÚC	LỚP 7/5	NAM	4/1/2010	4/1/2023	52	156	21.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	LÊ QUỐC THANH	LỚP 7/5	NAM	14/3/2010	4/1/2023	50	150	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	HUỶNH BÙI GIA KHANG	LỚP 7/5	NAM	9/4/2010	4/1/2023	43	153	18.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	LÊ NGUYỄN TẤN LỘC	LỚP 7/5	NAM	20/6/2010	4/1/2023	47	152	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	PHƯƠNG GIA BẢO	LỚP 7/5	NAM	11/9/2010	4/1/2023	36	152	15.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	TRẦN HỮU HÒA	LỚP 7/5	NAM	11/9/2010	4/1/2023	30	151	13.2	TCTT	THIẾU CÂN TRÁM TRỌNG	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
43	VÔ THANH ĐẠT	LỚP 7/5	NAM	7/1/2010	4/1/2023	47	158	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 7/6																
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	LỚP 7/6	NỮ	30/5/2010	4/1/2023	64	153	27.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	PHẠM GIA PHÚ	LỚP 7/6	NAM	26/12/2010	4/1/2023	49	163	18.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	CAO HUỶNH MINH KHÔI	LỚP 7/6	NAM	21/12/2010	4/1/2023	64	163	24.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	ĐỖ ANH TUẤN	LỚP 7/6	NAM	14/6/2010	27/2/1900	58	163	21.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	PHẠM THÀNH BAO	LỚP 7/6	NAM	19/1/2010	4/1/2023	84	167	30.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	TRẦN NGỌC KIM LONG	LỚP 7/6	NAM	9/3/2010	4/1/2023	50	160	19.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
7	TRẦN PHƯỚC TẤN	LỚP 7/6	NAM	22/4/2010	4/1/2023	48	157	19.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
8	LÊ MINH ĐẠT	LỚP 7/6	NAM	6/1/2010	4/1/2023	72	168	25.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN NGỌC KHÁNH DUY	LỚP 7/6	NAM	17/5/2008	4/1/2023	40	156	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	VÔ LÊ NHẬT HẢO	LỚP 7/6	NAM	24/2/2010	4/1/2023	64	162	24.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN HỮU THIỆN	LỚP 7/6	NAM	5/1/2010	4/1/2023	32	148	14.6	BT	BT	HẠN CHẾ DUỐI 2 KHUYU TAY	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	TRẦN NGỌC GIA BẢO	LỚP 7/6	NAM	21/12/2010	4/1/2023	60	155	25.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN QUỐC BẢO KHÔI	LỚP 7/6	NAM	19/1/2010	4/1/2023	63	160	24.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	DƯƠNG ĐÀO QUANG HÙNG	LỚP 7/6	NAM	30/8/2010	4/1/2023	43	158	17.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	LÊ MAI PHƯƠNG THẢO	LỚP 7/6	NỮ	4/3/2010	4/1/2023	52	154	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN LÂM CHÍ KHANG	LỚP 7/6	NAM	3/4/2010	4/1/2023	50	155	20.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	ĐỖ NGUYỄN KHOA	LỚP 7/6	NAM	19/2/2010	4/1/2023	27	136	14.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	PHAN ĐẶNG KHÁNH LOAN	LỚP 7/6	NỮ	27/1/2010	4/1/2023	54	155	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
19	NGUYỄN NHẬT HUY	LỚP 7/6	NAM	4/9/2010	4/1/2023	60	161	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYDAL QUẢ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	PHAN ANH THƯ	LỚP 7/6	NỮ	25/2/2010	4/1/2023	52	158	20.8	ThC	THỪA CẢN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	ĐÀO THÚY AN	LỚP 7/6	NỮ	15/2/2010	4/1/2023	62	164	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	LỚP 7/6	NỮ	12/4/2010	4/1/2023	52	154	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN HOÀNG NGỌC TRÚC	LỚP 7/6	NỮ	7/7/2010	4/1/2023	52	155	21.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	CAO NGUYỄN PHƯƠNG VY	LỚP 7/6	NỮ	10/10/2010	4/1/2023	66	154	27.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGÔ HAI YẾN	LỚP 7/6	NỮ	18/8/2010	4/1/2023	36	148	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	ĐỖ NGỌC THIÊN KIM	LỚP 7/6	NỮ	18/2/2010	4/1/2023	43	152	18.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	HUỲNH THỊ MỸ DUNG	LỚP 7/6	NỮ	28/2/2010	4/1/2023	45	155	18.7	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	TRẦN THỊ THANH NGÂN	LỚP 7/6	NỮ	21/2/2010	4/1/2023	52	150	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGUYỄN THANH NHƯ	LỚP 7/6	NỮ	3/10/2009	4/1/2023	35	149	15.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	VÔ TOÀN THĂNG	LỚP 7/6	NAM	9/7/2010	4/1/2023	36	152	15.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	LỚP 7/6	NỮ	19/10/2010	4/1/2023	45	154	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
32	VÔ HÙNG THỊNH	LỚP 7/6	NAM	3/12/2010	4/1/2023	27	135	14.8	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	MAI THỊ LAN ANH	LỚP 7/6	NỮ	20/7/2010	4/1/2023	49	158	19.6	ThC	THỪA CẢN	BT	MT TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN NGỌC DIỄM TUYẾT	LỚP 7/6	NỮ	25/7/2010	4/1/2023	33	150	14.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	LỚP 7/6	NỮ	28/7/2010	4/1/2023	40	155	16.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	KHƯƠNG THỊ PHƯƠNG HOA	LỚP 7/6	NỮ	4/3/2010	4/1/2023	42	151	18.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	CHÂU KIM YẾN	LỚP 7/6	NỮ	26/10/2010	4/1/2023	35	154	14.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	TRỊNH NGUYỄN ANH THƠ	LỚP 7/6	NỮ	8/4/2010	4/1/2023	42	154	17.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 7/7																
1	HUỲNH THỊ YẾN NHI	LỚP 7/7	NỮ	21/12/2009	4/1/2023	46	147	21.3	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	TRẦN HOÀNG GIA HUY	LỚP 7/7	NỮ	15/9/2010	4/1/2023	46	159	18.2	BT	BT	BT	BT	AMYDAL QUẢ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	LÝ THÁI SƠN	LỚP 7/7	NAM	24/2/2010	4/1/2023	45	155	18.7	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
4	HÀ TÀN HIỆP	LỚP 7/7	NAM	15/12/2010	4/1/2023	30	144	14.5	BT	BT	GÂY XƯƠNG NGÓN V TAY T	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	HUỲNH MINH TIẾN	LỚP 7/7	NAM	30/8/2010	4/1/2023	42	144	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	TRẦN KIẾT LUÂN	LỚP 7/7	NAM	22/4/2010	4/1/2023	35	146	16.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	CHUNG HUỲNH MINH KHA	LỚP 7/7	NAM	11/11/2010	4/1/2023	59	156	24.2	BP	BÉO PHÌ	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN NHẬT THÀNH	LỚP 7/7	NAM	29/6/2010	4/1/2023	51	168	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
9	TRẦN THANH TUẤN	LỚP 7/7	NAM	15/6/2007	4/1/2023	47	161	18.1	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	ĐỖ DUY TÂN	LỚP 7/7	NAM	26/9/2010	4/1/2023	65	155	27.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGÔ NGUYỄN ANH KIẾT	LỚP 7/7	NAM	22/9/2010	4/1/2023	49	165	18.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	LÊ VĂN DƯ	LỚP 7/7	NAM	29/6/2009	4/1/2023	45	162	17.1	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	TRẦN THÀNH PHÁT	LỚP 7/7	NAM	2/6/2008	4/1/2023	52	157	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	LÊ HOÀNG PHÚC	LỚP 7/7	NAM	28/7/2010	4/1/2023	52	157	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	MÔNG GIA VỸ	LỚP 7/7	NAM	6/11/2010	4/1/2023	59	156	24.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN ĐỨC GIA VỸ	LỚP 7/7	NAM	20/5/2010	4/1/2023	38	163	14.3	TCTT	THIẾU CÂN TRÂM TRỌNG	LÔM XƯƠNG ỨC	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	VỎI RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	LẠI THỊ TUYẾT ĐÀO	LỚP 7/7	NỮ	6/12/2010	6/12/2010	36	140	18.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
18	LÊ TRẦN TƯỜNG QUY	LỚP 7/7	NỮ	2/6/2010	4/1/2023	48	162	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
19	CHẾ THỊ QUỲNH NHƯ	LỚP 7/7	NỮ	26/2/2010	4/1/2023	55	150	24.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	TRƯƠNG THỊ NHƯ HUỲNH	LỚP 7/7	NỮ	27/3/2010	4/1/2023	60	159	23.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	BÙI NHẬT TRƯỞNG	LỚP 7/7	NAM	25/5/2009	4/1/2023	49	160	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	TRƯƠNG ANH TUẤN	LỚP 7/7	NAM	11/5/2010	4/1/2023	42	157	17.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN VĂN LỘC	LỚP 7/7	NAM	9/8/2008	4/1/2023	45	163	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
24	TRẦN CHÍ HUY	LỚP 7/7	NAM	20/4/2010	4/1/2023	52	147	24.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	TRẦN NGUYỄN GIA PHÚ	LỚP 7/7	NAM	13/2/2009	4/1/2023	48	162	18.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	PHÙNG QUỐC THÁI	LỚP 7/7	NAM	23/11/2010	4/1/2023	80	162	30.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	TRIỆU CHÍNH THẮNG	LỚP 7/7	NAM	1/3/2010	4/1/2023	60	159	23.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN THÚY VY	LỚP 7/7	NỮ	2/9/2010	4/1/2023	55	154	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	PHÙNG NGỌC THANH B. THUY	LỚP 7/7	NỮ	15/7/2010	4/1/2023	48	150	21.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	TRẦN TÂN ĐẠT	LỚP 7/7	NAM	3/2/2010	4/1/2023	50	158	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
31	NGUYỄN NGỌC THÚY DIỄM	LỚP 7/7	NỮ	9/8/2010	4/1/2023	58	155	24.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN THỊ TÚ TRINH	LỚP 7/7	NỮ	29/9/2010	4/1/2023	44	149	19.8	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN ĐÀO THỊ MINH HOÀNG	LỚP 7/7	NỮ	29/12/2009	4/1/2023	33	151	14.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN NGỌC THÙY DƯƠNG	LỚP 7/7	NỮ	15/7/2009	4/1/2023	60	160	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN ĐÀO THỊ MINH THƯ	LỚP 7/7	NỮ	17/1/2009	4/1/2023	35	154	14.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	PHẠM THỊ XUAN AN	LỚP 7/7	NỮ	1/1/2010	4/1/2023	36	149	16.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	LỚP 7/7	NỮ	15/3/2010	13/2/1900	44	158	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	SƠN THỊ NGỌC TÍN	LỚP 7/7	NỮ	15/9/2010	4/1/2023	41	152	17.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
39	ĐOÀN KHÁNH NGỌC	LỚP 7/7	NỮ	1/10/2010	4/1/2023	38	159	15.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	TRẦN LƯU NHÃ UYÊN	LỚP 7/7	NỮ	5/3/2010	4/1/2023	67	158	26.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	PHẠM KHÁNH BĂNG	LỚP 7/7	NỮ	20/7/2010	4/1/2023	56	154	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 7/8																
1	TRẦN NGỌC TIẾN ĐẠT	LỚP 7/8	NAM	1/1/2010	4/1/2023	42	147	19.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	LỚP 7/8	NỮ	14/2/2010	4/1/2023	51	152	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	VÔ PHẠM NGÂN PHIẾU	LỚP 7/8	NỮ	25/1/2010	4/1/2023	49	157	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI DỊ ỨNG	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	LÊ THÀNH TÀI	LỚP 7/8	NAM	4/10/2010	4/1/2023	60	165	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN HUY	LỚP 7/8	NAM	4/4/2010	4/1/2023	46	156	18.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
6	ĐOÀN HOÀNG PHONG	LỚP 7/8	NAM	16/6/2010	4/1/2023	56	162	21.3	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN ANH VŨ	LỚP 7/8	NAM	24/1/2010	4/1/2023	43	157	17.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	BÙI GIA PHÚ	LỚP 7/8	NAM	5/8/2010	4/1/2023	59	163	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGÔ GIA BẢO	LỚP 7/8	NAM	8/3/2010	4/1/2023	45	158	18.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LẠI KHÁNH GIA BẢO	LỚP 7/8	NAM	3/8/2010	4/1/2023	55	156	22.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN QUỐC DUY	LỚP 7/8	NAM	18/11/2009	4/1/2023	46	153	19.7	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN PHỤNG HỒNG KHANH	LỚP 7/8	NAM	29/1/2010	4/1/2023	55	151	24.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN VĂN BẢO	LỚP 7/8	NAM	1/4/2008	4/1/2023	70	172	23.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	LÊ VÔ TẤN TRỌNG	LỚP 7/8	NAM	25/5/2010	4/1/2023	50	153	21.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	LÊ VÔ HOÀNG PHÚC	LỚP 7/8	NAM	4/8/2009	4/1/2023	61	170	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN PHÙNG CÔNG THÁI	LỚP 7/8	NAM	24/5/2010	4/1/2023	90	169	31.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN THÀNH LÂM	LỚP 7/8	NAM	1/1/2010	4/1/2023	59	163	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	MAI TRẦN BẢO KHANG	LỚP 7/8	NAM	26/5/2010	4/1/2023	62	156	25.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
19	PHẠM GIA HUY	LỚP 7/8	NAM	14/1/2010	4/1/2023	52	143	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	PHẠM TẤN THÌN	LỚP 7/8	NAM	28/6/2010	4/1/2023	86	152	37.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRẦN DUY YẾN TRANG	LỚP 7/8	NỮ	30/11/2000	4/1/2023	52	150	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	CAO KHÁNH HÀ	LỚP 7/8	NỮ	7/8/2010	4/1/2023	48	161	18.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	I	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	PHAN QUỲNH ANH	LỚP 7/8	NỮ	24/7/2010	4/1/2023	45	158	18.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	I	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN DUY BẢO	LỚP 7/8	NAM	17/12/2010	4/1/2023	26	137	13.9	TCTT	THIẾU CẢN TRẮM TRỌNG	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	HOÀNG PHẠM NGỌC HÀ	LỚP 7/8	NỮ	5/5/2010	4/1/2023	51	152	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	LÊ THỊ MINH HOÀNG	LỚP 7/8	NỮ	1/10/2010	4/1/2023	50	158	20.0	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	LÊ QUỐC VIỆT	LỚP 7/8	NAM	2/10/2010	4/1/2023	41	153	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG HÀNG	LỚP 7/8	NỮ	15/6/2010	4/1/2023	50	158	20.0	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGÔ THỊ DIỄM TRINH	LỚP 7/8	NỮ	28/12/2010	4/1/2023	48	157	19.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN HỒNG KỶ DUYÊN	LỚP 7/8	NỮ	23/1/2010	4/1/2023	75	156	30.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYDAL QUẢ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	TÔ THỊ TƯỜNG LAM	LỚP 7/8	NỮ	3/12/2010	4/1/2023	69	155	28.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	LÊ GIA BẢO	LỚP 7/8	NỮ	27/10/2010	4/1/2023	33	142	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	THẠCH THỊ PHI NA	LỚP 7/8	NỮ	11/12/2010	4/1/2023	45	156	18.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN TRẦN MỸ DUYÊN	LỚP 7/8	NỮ	19/3/2009	4/1/2023	36	151	15.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	PHAN THIÊN NHÂN	LỚP 7/8	NAM	6/2/2010	4/1/2023	40	155	16.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	I	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	TẠ THỊ NHƯ QUỲNH	LỚP 7/8	NỮ	26/1/2010	4/1/2023	49	161	18.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	I	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGUYỄN HOÀNG TÂM CAN	LỚP 7/8	NỮ	20/6/2010	4/1/2023	37	156	15.2	BT	BT	BT	MPT LÉ LUÂN PHIÊN	BT	BT	I	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	TRẦN THỊ YẾN NHI	LỚP 7/8	NỮ	5/10/2010	4/1/2023	39	147	18.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	I	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	VÔ NGỌC NHƯ	LỚP 7/8	NỮ	26/5/2010	4/1/2023	40	154	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	I	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	LÊ BẢO CHÂU	LỚP 7/8	NỮ	14/2/2010	4/1/2023	45	160	17.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 8/1																
1	LÊ NGỌC PHƯƠNG DUYÊN	LỚP 8/1	NỮ	17/1/2009	4/1/2023	55	154	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	HỒ VĂN BÔI	LỚP 8/1	NAM	15/7/2009	4/1/2023	73	182	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	BÙI QUỐC TOÀN	LỚP 8/1	NAM	27/11/2009	4/1/2023	56	151	24.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	PHAẠM GIA TUẤN	LỚP 8/1	NAM	13/10/2009	4/1/2023	47	166	17.1	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	PHẠM TUẤN VINH	LỚP 8/1	NAM	11/2/2009	4/1/2023	70	173	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
6	NGUYỄN MAI MINH KHÔI	LỚP 8/1	NAM	13/12/2009	4/1/2023	75	171	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG KHOA	LỚP 8/1	NAM	1/6/2009	4/1/2023	47	160	18.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	LA GIA BẢO	LỚP 8/1	NAM	12/11/2009	4/1/2023	53	171	18.1	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN GIA HUY	LỚP 8/1	NAM	25/4/2009	4/1/2023	62	168	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	THỊNH QUỐC ĐẠT	LỚP 8/1	NAM	1/8/2009	4/1/2023	47	161	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
11	VÔ HỒ GIA KIẾT	LỚP 8/1	NAM	28/1/2009	4/1/2023	84	181	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGÔ TRẦN MINH PHÚC	LỚP 8/1	NAM	7/9/2009	4/1/2023	64	170	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	TRƯƠNG TRIỆU VY	LỚP 8/1	NỮ	26/5/2009	4/1/2023	42	149	18.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
14	MAI TUYẾT NHÌ	LỚP 8/1	NỮ	21/9/2009	4/1/2023	45	153	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN QUỐC HÙNG	LỚP 8/1	NAM	9/11/2009	4/1/2023	72	167	25.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN TRẦN THIÊN THANH	LỚP 8/1	NỮ	7/10/2009	4/1/2023	59	159	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	CHÂN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN HỮU NGỌC LINH	LỚP 8/1	NỮ	12/6/2009	4/1/2023	52	154	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	TRẦN THỊ TÚ QUYÊN	LỚP 8/1	NỮ	20/9/2009	4/1/2023	52	157	21.1	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	LỚP 8/1	NỮ	15/4/2009	4/1/2023	53	165	19.5	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN HỒNG BẢO VY	LỚP 8/1	NỮ	24/6/2009	4/1/2023	52	157	21.1	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN THÙY PHƯƠNG VY	LỚP 8/1	NỮ	22/1/2009	4/1/2023	44	165	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	LÊ THỊ TRẢ MY	LỚP 8/1	NỮ	26/12/2009	4/1/2023	44	146	20.6	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	THÁI GIA AN	LỚP 8/1	NỮ	24/8/2009	4/1/2023	47	162	17.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	PHẠM NGUYỄN THẢO NGUYỄN	LỚP 8/1	NỮ	11/6/2009	4/1/2023	47	155	19.6	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LƯƠNG HOÀNG QUỲNH NHƯ	LỚP 8/1	NỮ	31/12/2009	4/1/2023	35	153	15.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUỲNH	LỚP 8/1	NỮ	8/10/2009	4/1/2023	48	147	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN ĐẶNG HỒNG THANH	LỚP 8/1	NỮ	9/4/2009	4/1/2023	49	152	21.2	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN THỊ HOÀNG LAM	LỚP 8/1	NỮ	3/1/2009	4/1/2023	48	158	19.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	HUỲNH THỊ KIM THÙY	LỚP 8/1	NỮ	20/7/2009	4/1/2023	58	160	22.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	MÃO SỬ	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	TẠ KIM NGÂN	LỚP 8/1	NỮ	21/11/2009	4/1/2023	66	163	24.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	LÊ HUỲNH BAO NHƯ	LỚP 8/1	NỮ	10/2/2009	4/1/2023	43	151	18.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
32	PHẠM THỊ TRÂM ANH	LỚP 8/1	NỮ	23/1/2009	4/1/2023	57	166	20.7	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN THÙY TIỀN	LỚP 8/1	NỮ	25/10/2009	4/1/2023	72	153	30.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
34	NGUYỄN TRẦN DIỆU AN	LỚP 8/1	NỮ	30/5/2009	4/1/2023	56	168	19.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN QUỲNH ANH	LỚP 8/1	NỮ	22/3/2009	4/1/2023	38	148	17.3	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	HUỲNH NGỌC NHƯ Ỡ	LỚP 8/1	NỮ	9/3/2009	4/1/2023	47	149	21.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	LỚP 8/1	NỮ	24/7/2009	4/1/2023	57	157	23.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN HUỲNH NHẢ VẤN	LỚP 8/1	NỮ	13/11/2009	4/1/2023	63	157	25.6	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	NGÔ XUÂN NGHI	LỚP 8/1	NỮ	10/2/2009	4/1/2023	51	158	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	PHAN THIÊN LONG	LỚP 8/1	NAM	19/10/2009	4/1/2023	67	165	24.6	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	LỚP 8/1	NỮ	19/7/2009	4/1/2023	38	155	15.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	LƯU NGỌC HUỲNH NHƯ	LỚP 8/1	NỮ	4/1/2009	4/1/2023	51	147	23.6	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 8/2</u>																
1	LÊ NGỌC QUỲNH LAM	LỚP 8/2	NỮ	25/4/2009	4/1/2023	46	155	19.1	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	HUỲNH THỊ MỸ UYÊN	LỚP 8/2	NỮ	28/3/2009	4/1/2023	47	159	18.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	HUỲNH NHẢ VY	LỚP 8/2	NỮ	28/9/2009	4/1/2023	45	154	19.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGUYỄN PHẠM KIM NGÂN	LỚP 8/2	NỮ	10/7/2009	4/1/2023	47	158	18.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN HOÀNG KIM ANH	LỚP 8/2	NỮ	12/6/2009	4/1/2023	68	158	27.2	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	PHẠM VIÊN TUYẾT NHƯ	LỚP 8/2	NỮ	25/9/2009	4/1/2023	56	153	23.9	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN THỊ CẨM THƠ	LỚP 8/2	NỮ	19/1/2009	4/1/2023	66	150	29.3	BP	BÉO PHỈ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	LỚP 8/2	NỮ	5/12/2009	4/1/2023	43	159	17.0	BT	BT	BT	BT	BT	GÃY RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	PHAN MY SA	LỚP 8/2	NỮ	12/9/2009	4/1/2023	51	158	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	PHẠM LIN ĐA KIỀU	LỚP 8/2	NỮ	14/5/2009	4/1/2023	51	158	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	BUI THỊ THỦY LINH	LỚP 8/2	NỮ	7/6/2009	4/1/2023	36	149	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN TUẤN KIẾT	LỚP 8/2	NAM	14/9/2009	4/1/2023	40	145	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN THIÊN HUY	LỚP 8/2	NAM	10/2/2009	4/1/2023	48	154	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	ĐOÀN MINH HUY	LỚP 8/2	NAM	18/7/2009	4/1/2023	52	163	19.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN HUỲNH NHỰT MINH	LỚP 8/2	NAM	23/9/2009	4/1/2023	55	164	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	VÔ MINH TIẾN	LỚP 8/2	NAM	9/10/2009	4/1/2023	75	163	28.2	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN TÂN PHÁT	LỚP 8/2	NAM	2/1/2009	4/1/2023	48	166	17.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	AMYĐAN QUẢ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	NGUYỄN TÂN KHOA	LỚP 8/2	NAM	9/3/2009	4/1/2023	52	170	18.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
19	PHẠM TRUNG TÍN	LỚP 8/2	NAM	14/1/2009	4/1/2023	52	169	18.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN	LỚP 8/2	NỮ	26/7/2009	4/1/2023	53	157	21.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGÔ NGỌC PHƯƠNG UYÊN	LỚP 8/2	NỮ	28/11/2009	4/1/2023	40	155	16.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN KIM ANH THU	LỚP 8/2	NỮ	11/1/2009	4/1/2023	60	159	23.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	CHÍNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	PHẠM PHƯƠNG ANH	LỚP 8/2	NỮ	20/11/2009	4/1/2023	40	152	17.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	HOÀ THANH UYÊN	LỚP 8/2	NỮ	1/4/2009	4/1/2023	43	159	17.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGUYỄN NGỌC XUÂN NGHI	LỚP 8/2	NỮ	26/4/2009	4/1/2023	39	149	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	ĐỖ TƯỜNG VY	LỚP 8/2	NỮ	26/11/2009	4/1/2023	73	169	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	ĐỖ YẾN NHI	LỚP 8/2	NỮ	22/5/2009	4/1/2023	46	163	17.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN HUỖNH THÙY TIÊN	LỚP 8/2	NỮ	16/9/2009	4/1/2023	43	152	18.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	HUỖNH PHƯƠNG TRÂM	LỚP 8/2	NỮ	6/5/2009	4/1/2023	51	151	22.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	BÙI KIM HIỀN	LỚP 8/2	NỮ	13/9/2009	4/1/2023	41	154	17.3	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	TRƯƠNG HỒ THÚY HẰNG	LỚP 8/2	NỮ	4/12/2009	4/1/2023	54	160	21.1	ThC	THỪA CẢN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	VÔ HUỖNH BẢO NGỌC	LỚP 8/2	NỮ	21/3/2009	4/1/2023	53	158	21.2	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	TRỊNH THỊ CẨM THU	LỚP 8/2	NỮ	9/10/2009	4/1/2023	43	159	17.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM HỌNG CẤP	VỎI RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN HỒ NGỌC TIÊN	LỚP 8/2	NỮ	15/10/2009	4/1/2023	48	159	19.0	BT	TIỀN CẢN HEN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	PHẠM THỊ KIM PHƯƠNG	LỚP 8/2	NỮ	5/10/2009	4/1/2023	48	159	19.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN THỊ KIM CƯƠNG	LỚP 8/2	NỮ	19/8/2009	4/1/2023	36	153	15.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGUYỄN LÊ KHÁNH LINH	LỚP 8/2	NỮ	6/8/2009	4/1/2023	43	160	16.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN LÊ KỶ PHƯƠNG	LỚP 8/2	NỮ	28/8/2009	4/1/2023	41	150	18.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	LÊ ANH VŨ	LỚP 8/2	NAM	8/11/2009	4/1/2023	76	165	27.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	ĐẶNG HOÀNG DUY	LỚP 8/2	NAM	3/10/1998	4/1/2023	54	162	20.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	TRẦN THIÊN DƯƠNG KHANG	LỚP 8/2	NAM	13/4/2009	4/1/2023	83	171	28.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 8/3																
1	VÔ THANH TÂM	LỚP 8/3	NAM	4/9/2009	4/1/2023	62	160	24.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
2	NGUYỄN TUẤN KIẾT	LỚP 8/3	NAM	24/2/2009	4/1/2023	56	159	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ MT KK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	ĐỖ HOÀNG VĂN KHÁNH	LỚP 8/3	NỮ	30/4/2009	4/1/2023	70	154	29.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ MT KK<7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	ĐỖ THÀNH NHÂN	LỚP 8/3	NAM	7/9/2009	4/1/2023	42	150	18.7	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	SƠN NGUYỄN THIÊN BẢO	LỚP 8/3	NAM	8/4/2009	4/1/2023	75	164	27.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	VŨ THANH NAM	LỚP 8/3	NAM	7/8/2009	4/1/2023	60	162	22.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	VÕ GIA HÒA	LỚP 8/3	NAM	11/10/2009	4/1/2023	58	162	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	LỚP 8/3	NỮ	21/12/2009	4/1/2023	45	160	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LÝ AN KHANG	LỚP 8/3	NAM	10/4/2009	4/1/2023	60	160	23.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ NGUYỄN XUÂN QUANG	LỚP 8/3	NAM	4/10/2009	4/1/2023	58	157	23.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	LÂM THIÊN QUỐC	LỚP 8/3	NAM	7/2/2009	4/1/2023	63	165	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	ĐẶNG HUY BẢO	LỚP 8/3	NAM	15/7/2008	4/1/2023	65	168	23.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	ĐÀO CHÍ TRUNG	LỚP 8/3	NAM	21/10/2008	4/1/2023	53	165	19.5	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	TRẦN PHƯƠNG NAM	LỚP 8/3	NAM	1/1/2009	4/1/2023	48	159	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	LÊ NHƯ QUỲNH	LỚP 8/3	NỮ	27/3/2009	4/1/2023	52	161	20.1	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	LẠI THỊ KHÁNH VY	LỚP 8/3	NỮ	23/7/2009	4/1/2023	38	153	16.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	ĐỖ PHẠM THÙY DƯƠNG	LỚP 8/3	NỮ	15/3/2009	4/1/2023	48	155	20.0	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	TRẦN THẢO MY	LỚP 8/3	NỮ	2/8/2009	4/1/2023	44	155	18.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN NGỌC THANH HỒNG	LỚP 8/3	NỮ	27/7/2009	4/1/2023	48	148	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M KK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	HUỲNH KHÁNH BẰNG	LỚP 8/3	NỮ	8/9/2009	4/1/2023	43	159	17.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	LÀ THỊ KIM PHƯỢNG	LỚP 8/3	NỮ	16/3/2009	4/1/2023	45	155	18.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
22	TRẦN THU HÀ	LỚP 8/3	NỮ	17/10/2009	4/1/2023	50	160	19.5	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG DUNG	LỚP 8/3	NỮ	6/12/2009	4/1/2023	37	157	15.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	ĐINH THỊ NGỌC TUYỀN	LỚP 8/3	NỮ	2/8/2009	4/1/2023	40	146	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	LỚP 8/3	NỮ	2/1/2009	4/1/2023	65	156	26.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	AMYĐAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN ĐĂNG MINH	LỚP 8/3	NAM	13/5/2009	4/1/2023	55	163	20.7	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK>7/10	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	CẦN NGUYỄN KHANG	LỚP 8/3	NAM	27/5/2009	4/1/2023	55	165	20.2	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK>7/10	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	PHẠM THỊ THU THỦY	LỚP 8/3	NỮ	7/4/2009	4/1/2023	60	159	23.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ MP KK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	BÙI DOÃN THANH THU	LỚP 8/3	NỮ	21/7/2009	4/1/2023	40	155	16.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
30	NGUYỄN THÀNH PHÁT	LỚP 8/3	NAM	19/4/2009	4/1/2023	45	166	16.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	TRẦN THỊ THANH THẢO	LỚP 8/3	NỮ	23/4/2009	4/1/2023	52	162	19.8	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ 2M CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN NHƯ HUỲNH	LỚP 8/3	NỮ	15/12/2009	4/1/2023	50	163	18.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ MT KK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN PHƯƠNG VY	LỚP 8/3	NỮ	3/6/2009	4/1/2023	48	164	17.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ MP KK<7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	CHÂU GIA BẢO	LỚP 8/3	NAM	22/8/2009	4/1/2023	40	157	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
35	CAO THÁI HỮU	LỚP 8/3	NAM	6/5/2009	4/1/2023	45	161	17.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN ĐỨC KHOA	LỚP 8/3	NAM	23/8/2009	4/1/2023	55	160	21.5	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGUYỄN ĐOÀN MINH HUY	LỚP 8/3	NAM	18/2/2009	4/1/2023	61	164	22.7	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	LỚP 8/3	NAM	11/5/2009	4/1/2023	38	160	14.8	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	ĐINH GIA BẢO	LỚP 8/3	NAM	14/11/2009	4/1/2023	42	158	16.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
40	LÊ MẠNH QUÂN	LỚP 8/3	NAM	8/10/2009	4/1/2023	48	162	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
41	NGUYỄN QUỐC BẢO	LỚP 8/3	NAM	2/5/2009	4/1/2023	40	169	14.0	TCTT	THIẾU CẢN TRÂM TRỌNG	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	NGUYỄN TÔ HOÀNG NAM	LỚP 8/3	NAM	10/11/2009	4/1/2023	55	161	21.2	ThC	THỪA CẢN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 8/4																
1	PHẠM GIA BẢO	LỚP 8/4	NAM	27/8/2009	4/1/2023	56	158	22.4	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN VĂN MINH QUÂN	LỚP 8/4	NAM	4/5/2009	4/1/2023	48	161	18.5	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	NGUYỄN HỮU GIA HUY	LỚP 8/4	NAM	18/4/2009	4/1/2023	57	175	18.6	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGUYỄN TRUNG DŨNG	LỚP 8/4	NAM	6/5/2009	4/1/2023	53	168	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN TÂY THY	LỚP 8/4	NỮ	31/10/2009	4/1/2023	55	165	20.2	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN HUỲNH ANH KHOA	LỚP 8/4	NAM	27/8/2009	4/1/2023	82	174	27.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	ĐOÀN THỊ TUYẾT TRINH	LỚP 8/4	NỮ	13/7/2009	4/1/2023	53	158	21.2	ThC	THỪA CẢN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	LỚP 8/4	NAM	13/1/2009	4/1/2023	72	172	24.3	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN MINH THUẬN	LỚP 8/4	NAM	5/1/2009	4/1/2023	49	159	19.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
10	NGUYỄN VĨNH NHÂN	LỚP 8/4	NAM	10/7/2009	4/1/2023	64	161	24.7	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	ĐOÀN BẢO KHA	LỚP 8/4	NAM	16/8/2009	4/1/2023	40	157	16.2	BT	BT	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	TRẦN QUỐC ĐẠI	LỚP 8/4	NAM	1/5/2009	4/1/2023	72	174	23.8	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	PHAẠM QUỐC NGUYỄN	LỚP 8/4	NAM	12/12/2009	4/1/2023	94	166	34.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	HUỲNH VĂN ĐƯỢC	LỚP 8/4	NAM	6/12/2009	4/1/2023	83	169	29.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
15	ĐƯƠNG NGUYỄN KIẾN QUỐC	LỚP 8/4	NAM	25/2/2009	4/1/2023	82	170	28.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	LÂM PHÚC VINH	LỚP 8/4	NAM	28/12/2009	4/1/2023	63	165	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN PHÁT LỢI	LỚP 8/4	NAM	7/12/2009	4/1/2023	46	150	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	PHẠM HOÀI SANG	LỚP 8/4	NAM	28/6/2009	4/1/2023	54	164	20.1	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	CHÂN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN MINH NHẬT	LỚP 8/4	NAM	5/10/2009	4/1/2023	80	165	29.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	TRẦN UY	LỚP 8/4	NAM	20/5/2009	4/1/2023	73	178	23.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG VY	LỚP 8/4	NỮ	1/7/2009	4/1/2023	57	164	21.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGÔ NGỌC NGÂN	LỚP 8/4	NỮ	26/10/2009	4/1/2023	48	159	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	LÊ THỊ MỸ TIỀN	LỚP 8/4	NỮ	21/2/2009	4/1/2023	40	157	16.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	TRẦN HẠNH PHƯƠNG TRINH	LỚP 8/4	NỮ	6/10/2009	4/1/2023	59	164	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	PHẠM KHÁNH BĂNG	LỚP 8/4	NỮ	27/7/2009	4/1/2023	63	152	27.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN THỤY MỸ UYÊN	LỚP 8/4	NỮ	12/4/2009	4/1/2023	47	160	18.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	ĐỖ NGUYỄN YẾN NHI	LỚP 8/4	NỮ	14/4/2009	4/1/2023	56	155	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	ĐINH LÊ MINH CHÂU	LỚP 8/4	NỮ	29/1/2009	4/1/2023	70	156	28.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	TRẦN NGỌC PHƯƠNG CHI	LỚP 8/4	NỮ	9/9/2009	4/1/2023	62	161	23.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	LÊ NGỌC TƯỜNG VY	LỚP 8/4	NỮ	27/10/2009	4/1/2023	46	156	18.9	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	XIANG LIÊU ĐÌNH	LỚP 8/4	NỮ	13/8/2009	4/1/2023	35	155	14.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	ĐOÀN NGỌC PHƯƠNG VY	LỚP 8/4	NỮ	6/10/2009	4/1/2023	31	146	14.5	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	MÁT RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	ĐỖ THỊ KIỀU MAI	LỚP 8/4	NỮ	11/3/2009	4/1/2023	41	150	18.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	VỠI RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	PHAN NGÂN GIANG	LỚP 8/4	NAM	7/12/2009	4/1/2023	54	160	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	SƠN TRUNG HIẾU	LỚP 8/4	NAM	14/4/2009	4/1/2023	86	176	27.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	LÊ PHONG HOÀNG THÁI	LỚP 8/4	NAM	5/2/2009	4/1/2023	60	166	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	VÕ THIÊN PHƯỚC	LỚP 8/4	NAM	30/8/2009	4/1/2023	45	163	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
38	LÊ THANH HIỆP	LỚP 8/4	NAM	20/3/2009	4/1/2023	54	168	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	VÕ THỊ THANH HẰNG	LỚP 8/4	NỮ	15/1/2009	4/1/2023	50	158	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	PHAN THANH NGHỊ	LỚP 8/4	NAM	27/1/2009	4/1/2023	55	163	20.7	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI DỊ ỨNG	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
41	NGUYỄN THÀNH LUÂN	LỚP 8/4	NAM	30/10/2009	4/1/2023	36	152	15.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 8/5																
1	TRẦN MINH KHÔI	LỚP 8/5	NAM	29/1/2009	4/1/2023	84	166	30.5	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	AMYDAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN ĐĂNG QUẢN	LỚP 8/5	NAM	7/5/2009	4/1/2023	82	164	30.5	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	LÊ MINH ĐĂNG	LỚP 8/5	NAM	8/3/2009	4/1/2023	83	168	29.4	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	LỚP 8/5	NAM	21/9/2009	4/1/2023	63	167	22.6	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	BÙI HỮU NHÂN	LỚP 8/5	NAM	11/8/2009	4/1/2023	58	156	23.8	BP	BÉO PHỈ	BT	TD KHÚC XẠ KK <7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	THÁI TRÍ HẢI	LỚP 8/5	NAM	17/9/2009	4/1/2023	45	172	15.2	BT	BT	BT	TD KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN THẠCH HOÀNG VINH	LỚP 8/5	NAM	16/8/2009	4/1/2023	67	172	22.6	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN HẢI VIỆT	LỚP 8/5	NAM	30/8/2009	4/1/2023	45	156	18.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LÊ QUỐC BẢO	LỚP 8/5	NAM	23/12/2009	4/1/2023	65	165	23.9	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	BÙI GIA PHÁT	LỚP 8/5	NAM	28/5/2009	4/1/2023	52	164	19.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	TRẦN THANH PHÚC	LỚP 8/5	NAM	20/9/2009	4/1/2023	56	157	22.7	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	TRẦN CHUNG SURBIN	LỚP 8/5	NAM	9/7/2009	4/1/2023	64	157	26.0	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN PHƯỚC SANG	LỚP 8/5	NAM	28/5/2009	4/1/2023	43	158	17.2	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	LÊ THÀNH HUY	LỚP 8/5	NAM	11/6/2009	4/1/2023	57	161	22.0	BP	BÉO PHỈ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	BÙI ANH CƯỜNG	LỚP 8/5	NAM	9/12/2009	4/1/2023	72	163	27.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN TÂN ĐẠT	LỚP 8/5	NAM	22/11/2008	4/1/2023	50	168	17.7	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	LÊ VƯƠNG KHANG	LỚP 8/5	NAM	21/5/2009	4/1/2023	46	164	17.1	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	DƯƠNG GIA HUY	LỚP 8/5	NAM	30/10/2009	4/1/2023	52	170	18.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN HOÀNG DUY ANH	LỚP 8/5	NAM	23/2/2009	4/1/2023	59	157	23.9	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	TRẦN ĐOÀN TUẤN MINH	LỚP 8/5	NAM	9/10/2009	4/1/2023	50	161	19.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
21	PHẠM HỒNG MINH	LỚP 8/5	NAM	10/7/2009	4/1/2023	58	169	20.3	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	TRẦN NHẬT KHOA	LỚP 8/5	NAM	10/12/2009	4/1/2023	53	161	20.4	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	LÊ VŨ ANH KHOA	LỚP 8/5	NAM	17/1/2009	4/1/2023	78	180	24.1	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN HỮU NHỰT KHANG	LỚP 8/5	NAM	15/3/2009	4/1/2023	48	164	17.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LỤC KHÁNH HUYỀN	LỚP 8/5	NỮ	14/7/2009	4/1/2023	59	168	20.9	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
26	NGUYỄN NỮ KIM THUY	LỚP 8/5	NỮ	24/4/2009	4/1/2023	52	165	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN ĐỖ ÁNH VY	LỚP 8/5	NỮ	5/3/2009	4/1/2023	65	157	26.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	CHÂU THIÊN NGỌC	LỚP 8/5	NỮ	29/3/2009	4/1/2023	57	166	20.7	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	PHẠM QUỲNH MAI ANH	LỚP 8/5	NỮ	7/9/2009	4/1/2023	54	165	19.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	MÃO SỬ	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	LỚP 8/5	NỮ	19/12/2009	4/1/2023	48	159	19.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	THÁI THU NGÂN	LỚP 8/5	NỮ	11/7/2009	4/1/2023	50	153	21.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	LÊ THUY VÂN	LỚP 8/5	NỮ	27/4/2009	4/1/2023	46	163	17.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	HÀ CÁT TƯỜNG	LỚP 8/5	NỮ	5/11/2009	4/1/2023	38	145	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	PHẠM QUỲNH ANH	LỚP 8/5	NỮ	30/1/2009	4/1/2023	42	157	17.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	PHẠM ÁNH HỒNG	LỚP 8/5	NỮ	29/5/2009	4/1/2023	49	157	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	ĐẶNG NGUYỄN THANH THUY	LỚP 8/5	NỮ	1/9/2009	4/1/2023	49	155	20.4	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	LƯƠNG CHUNG TRIỀU THIÊN THANH	LỚP 8/5	NỮ	7/8/2009	4/1/2023	53	164	19.7	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN THỊ THUY LÂM	LỚP 8/5	NỮ	24/3/2009	4/1/2023	48	157	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	VŨ BẢO LÂM	LỚP 8/5	NỮ	1/3/2009	4/1/2023	40	155	16.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ MT KK<7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	THẠCH NGUYỄN NAM ANH	LỚP 8/5	NỮ	8/12/2009	4/1/2023	73	155	30.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ MP CK<7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	NGUYỄN MINH AN	LỚP 8/5	NỮ	16/10/2009	4/1/2023	70	155	29.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 8/6																
1	NGUYỄN HUỖNH MINH TRÍ	LỚP 8/6	NAM	26/3/2009	4/1/2023	70	162	26.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	VIÊM AMYDAN MẠN	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	TRƯƠNG KIM HOÀNG	LỚP 8/6	NAM	29/7/2009	4/1/2023	64	161	24.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	CHẴN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	TRẦN ANH LÂN	LỚP 8/6	NAM	20/10/2009	4/1/2023	46	164	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGUYỄN NGỌC MỸ HẰNG	LỚP 8/6	NỮ	20/9/2009	4/1/2023	43	156	17.7	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN THỊ THUY TRÚC	LỚP 8/6	NỮ	6/10/2009	4/1/2023	44	148	20.1	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	CA THỊ THU HIỀN	LỚP 8/6	NỮ	22/1/2009	4/1/2023	38	150	16.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG NGỌC	LỚP 8/6	NỮ	24/10/2009	4/1/2023	84	158	33.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	LÊ NGỌC MINH TRANG	LỚP 8/6	NỮ	2/9/2009	4/1/2023	47	157	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
9	CHU LÂM TƯỜNG VÂN	LỚP 8/6	NỮ	3/3/2009	4/1/2023	42	155	17.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ THỊ THU THUY	LỚP 8/6	NỮ	5/10/2009	4/1/2023	85	163	32.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	LÊ SONG THƯ	LỚP 8/6	NỮ	20/11/2009	4/1/2023	45	156	18.5	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
12	HUỲNH THẢO LY	LỚP 8/6	NỮ	21/10/2009	4/1/2023	61	154	25.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	LỚP 8/6	NỮ	26/1/2009	4/1/2023	55	168	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	PHẠM THỊ KIM NGỌC	LỚP 8/6	NỮ	11/8/2009	4/1/2023	74	156	30.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN NGỌC BÍCH TUYỀN	LỚP 8/6	NỮ	30/6/2009	4/1/2023	52	160	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	DƯƠNG THỊ NGỌC LIÊN	LỚP 8/6	NỮ	23/6/2009	4/1/2023	38	161	14.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	TRẦN THẢO QUYÊN	LỚP 8/6	NỮ	24/9/2009	4/1/2023	51	155	21.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	NGUYỄN PHẠM BẢO TRẦN	LỚP 8/6	NỮ	20/12/2009	4/1/2023	43	160	16.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM HỌNG CẤP	MẮT RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	VÔ NGỌC KHÁNH LINH	LỚP 8/6	NỮ	20/9/2009	4/1/2023	54	153	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN NGỌC QUỲNH GIANG	LỚP 8/6	NỮ	22/11/2009	4/1/2023	64	159	25.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN CHÍ THIÊN	LỚP 8/6	NAM	24/1/2009	4/1/2023	43	157	17.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN GIA GIA HUY	LỚP 8/6	NAM	26/8/2009	4/1/2023	55	155	22.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	LỚP 8/6	NAM	29/11/2009	4/1/2023	36	155	15.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	LÊ MINH SANG	LỚP 8/6	NAM	28/6/2009	4/1/2023	43	162	16.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	VÔ THÁI BẢO	LỚP 8/6	NAM	3/9/2009	4/1/2023	48	162	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
26	ĐÀO VĂN VINH	LỚP 8/6	NAM	4/7/2009	4/1/2023	51	167	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	LỚP 8/6	NAM	12/11/2009	4/1/2023	50	163	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	MÃO KIM LOẠI	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	TRẦN VĂN THUẬN	LỚP 8/6	NAM	22/6/2009	4/1/2023	55	171	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
29	ĐOÀN TUẤN KHANG	LỚP 8/6	NAM	14/8/2009	4/1/2023	49	170	17.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	ĐOÀN HUY BẢO	LỚP 8/6	NAM	20/8/2009	4/1/2023	56	159	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	VÔ NHẬT QUANG	LỚP 8/6	NAM	14/3/2009	4/1/2023	55	165	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN HẢI MINH	LỚP 8/6	NAM	18/7/2009	4/1/2023	52	170	18.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	BT	VỎI RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	PHẠM TIẾN QUANG	LỚP 8/6	NAM	30/10/2008	4/1/2023	57	173	19.0	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	TRẦN NGUYỄN ANH KHOA	LỚP 8/6	NAM	4/3/2009	4/1/2023	65	157	26.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	PHAN THÀNH NHÃN	LỚP 8/6	NAM	5/8/2009	4/1/2023	83	164	30.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN QUỐC BẢO	LỚP 8/6	NAM	17/8/2009	4/1/2023	61	165	22.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	LẠI HOÀNG TIẾN	LỚP 8/6	NAM	21/6/2009	4/1/2023	45	168	15.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN VĂN KHÔI	LỚP 8/6	NAM	21/6/2009	4/1/2023	53	164	19.7	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
39	LÊ GIA HUY	LỚP 8/6	NAM	6/9/2009	4/1/2023	52	153	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 8/7																
1	PHẠM THỊ HỒNG LUYA	LỚP 8/7	NỮ	10/2/2009	4/1/2023	43	157	17.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	TRỊNH MINH LOAN	LỚP 8/7	NỮ	18/3/2008	4/1/2023	50	157	20.3	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	VỎI RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	LÊ THỊ MỸ LINH	LỚP 8/7	NỮ	1/8/2009	4/1/2023	68	155	28.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	VŨ THỊ NGỌC HẠ	LỚP 8/7	NỮ	6/10/2009	4/1/2023	40	159	15.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
5	PHAN TẤN TOÀN	LỚP 8/7	NAM	7/7/2009	4/1/2023	65	160	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN HỮU HIỆU NGHĨA	LỚP 8/7	NAM	8/12/2009	4/1/2023	83	162	31.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	LÊ MINH TIẾN	LỚP 8/7	NAM	9/9/2009	4/1/2023	70	166	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	LÊ MINH CHÂU	LỚP 8/7	NAM	8/7/2009	4/1/2023	82	169	28.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	TRẦN HOÀNG PHI LONG	LỚP 8/7	NAM	1/9/2009	4/1/2023	52	147	24.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ LÝ MINH HAI	LỚP 8/7	NAM	5/7/2009	4/1/2023	64	165	23.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN KIẾN MINH	LỚP 8/7	NAM	12/7/2009	4/1/2023	68	154	28.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	ĐINH HOÀNG LONG	LỚP 8/7	NAM	5/12/2008	4/1/2023	42	158	16.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
13	SƠN TRUNG PHÁT	LỚP 8/7	NAM	29/3/2009	4/1/2023	97	173	32.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	DANH NGUYỄN DƯƠNG	LỚP 8/7	NAM	23/2/2008	4/1/2023	67	171	22.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	PHẠM VÕ HẢO NAM	LỚP 8/7	NAM	21/12/2009	4/1/2023	73	160	28.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	LỚP 8/7	NAM	6/10/2009	4/1/2023	65	164	24.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	LỚP 8/7	NAM	26/9/2009	4/1/2023	47	164	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
18	BUI MINH HOÀNG	LỚP 8/7	NAM	6/11/2009	4/1/2023	57	165	20.9	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	SƠN THẠCH LUÂN	LỚP 8/7	NAM	24/4/2009	4/1/2023	50	164	18.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGUYỄN NGỌC VINH	LỚP 8/7	NAM	5/10/2009	4/1/2023	30	138	15.8	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRẦN VÕ QUANG TRƯỜNG	LỚP 8/7	NAM	29/5/2009	4/1/2023	46	166	16.7	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN THIÊN KIM	LỚP 8/7	NỮ	25/4/2009	4/1/2023	50	156	20.5	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	TRƯƠNG NGỌC THANH NHI	LỚP 8/7	NỮ	15/3/2009	4/1/2023	42	149	18.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	ĐẶNG NGỌC XUÂN	LỚP 8/7	NỮ	8/2/2009	4/1/2023	48	153	20.5	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	THẠCH THỊ NGỌC MAI	LỚP 8/7	NỮ	21/7/2009	4/1/2023	46	156	18.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN NGỌC DIỆP	LỚP 8/7	NỮ	6/2/2009	4/1/2023	53	151	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN THỊ YÊN TRINH	LỚP 8/7	NỮ	1/10/2009	4/1/2023	58	164	21.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
28	BÙI TRỊ NGỌC HÂN	LỚP 8/7	NỮ	23/12/2009	4/1/2023	39	149	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	HỒ NAM AN	LỚP 8/7	NỮ	30/10/2009	4/1/2023	73	159	28.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	PHẠM NGUYỄN THANH MAI	LỚP 8/7	NỮ	23/11/2009	4/1/2023	46	160	18.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	DƯƠNG NGUYỄN QUỲNH TRÂM	LỚP 8/7	NỮ	22/10/2009	4/1/2023	55	169	19.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	LÊ THỊ AÁNH KIỀU	LỚP 8/7	NỮ	4/4/2009	4/1/2023	35	143	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	LÊ NGUYỄN ANH QUỐC	LỚP 8/7	NAM	19/5/2009	4/1/2023	55	161	21.2	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	TRẦN THANH NHÃ	LỚP 8/7	NAM	25/3/2009	4/1/2023	48	166	17.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN TRƯỜNG HƯNG	LỚP 8/7	NAM	21/7/2009	4/1/2023	52	161	20.1	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGÔ QUỐC ĐẠT	LỚP 8/7	NAM	4/1/2009	4/1/2023	47	163	17.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
37	TRẦN THANH HUỲ	LỚP 8/7	NAM	1/1/2009	4/1/2023	59	158	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	TRẦN NGUYỄN QUỐC PHONG	LỚP 8/7	NAM	26/9/2009	4/1/2023	44	162	16.8	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 8/8																
1	LÂM MINH THIÊN	LỚP 8/8	NAM	5/5/2009	4/1/2023	48	159	19.0	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	CAO THÀNH ĐẠT	LỚP 8/8	NAM	16/7/2009	4/1/2023	57	165	20.9	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	LỚP 8/8	NỮ	20/7/2009	4/1/2023	66	162	25.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	TRƯƠNG BẢO NGÂN	LỚP 8/8	NỮ	29/8/2009	4/1/2023	53	157	21.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	CHUNG NGỌC DIỄM MY	LỚP 8/8	NỮ	13/3/2009	4/1/2023	57	160	22.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN NGỌC GIA LINH	LỚP 8/8	NỮ	17/12/2009	4/1/2023	60	158	24.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	LA GIA HÂN	LỚP 8/8	NỮ	7/11/2009	4/1/2023	54	155	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	VÕ TRẦN MAI QUỲNH	LỚP 8/8	NỮ	2/6/2009	4/1/2023	44	155	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	LỚP 8/8	NỮ	4/5/2008	4/1/2023	43	149	19.4	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	BÙI THỊ THANH THÚY	LỚP 8/8	NỮ	5/4/2009	4/1/2023	43	153	18.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	HUỲNH BẢO ANH	LỚP 8/8	NỮ	1/8/2008	4/1/2023	53	150	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN LÊ MINH ANH	LỚP 8/8	NỮ	24/2/2009	4/1/2023	55	155	22.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	LỚP 8/8	NỮ	9/5/2009	4/1/2023	45	163	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	VÕ TRẦN LAN ANH	LỚP 8/8	NỮ	8/12/2009	4/1/2023	54	160	21.1	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	HUỲNH NGỌC GIÀU	LỚP 8/8	NỮ	4/7/2009	4/1/2023	52	162	19.8	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN HỒNG PHÚC	LỚP 8/8	NAM	7/3/2009	4/1/2023	74	168	26.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	ĐÀO MINH THƯ	LỚP 8/8	NỮ	27/1/2009	4/1/2023	70	162	26.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	VĂN BÍCH HÀ	LỚP 8/8	NỮ	15/9/2009	4/1/2023	49	153	20.9	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN NGỌC KIM TRÚC	LỚP 8/8	NỮ	12/9/2009	4/1/2023	49	160	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
20	NGUYỄN ĐÌNH KIM HỒNG	LỚP 8/8	NỮ	24/6/2009	4/1/2023	39	147	18.0	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRẦN KHẢI MINH	LỚP 8/8	NAM	3/6/2009	4/1/2023	66	162	25.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN NGỌC CHÂU	LỚP 8/8	NỮ	13/5/2009	4/1/2023	61	151	26.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	LÊ ANH NGHIÊM	LỚP 8/8	NỮ	9/11/2007	4/1/2023	75	172	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	LÊ THÀNH SANG	LỚP 8/8	NAM	16/9/2009	4/1/2023	60	170	20.8	ThC	THỪA CẢN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGUYỄN ĐÌNH MINH TRANG	LỚP 8/8	NAM	15/8/2009	4/1/2023	77	174	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	HÀ MINH QUẢN	LỚP 8/8	NAM	28/3/2009	4/1/2023	62	173	20.7	ThC	THỪA CẢN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	VƯƠNG LÊ HOÀNG HUY	LỚP 8/8	NAM	17/5/2008	4/1/2023	45	165	16.5	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN HẰNG NHẬT TRƯỞNG	LỚP 8/8	NAM	18/12/2009	4/1/2023	52	167	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
29	TRỊNH DUY MINH	LỚP 8/8	NAM	23/12/2009	4/1/2023	44	160	17.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN TRÍ KIỆT	LỚP 8/8	NAM	15/3/2009	4/1/2023	43	158	17.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	HÀ VĨ NGHIÊM	LỚP 8/8	NAM	23/9/2009	4/1/2023	55	161	21.2	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN GIA BẢO	LỚP 8/8	NAM	24/2/2009	4/1/2023	75	171	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	HUỶNH NHẬT HUY	LỚP 8/8	NAM	17/9/2009	4/1/2023	35	151	15.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN HOÀNG ANH VŨ	LỚP 8/8	NAM	29/3/2009	4/1/2023	72	167	25.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	DƯƠNG TẤN PHONG	LỚP 8/8	NAM	1/12/2009	4/1/2023	50	160	19.5	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	TRẦN MINH HIẾU	LỚP 8/8	NAM	6/9/2008	4/1/2023	36	157	14.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	BÙI TRỌNG NHÂN	LỚP 8/8	NAM	13/11/2009	4/1/2023	59	164	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN THANH SANG	LỚP 8/8	NAM	10/10/2009	4/1/2023	66	161	25.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 8/9</u>																
1	LÊ NHƯ Ý	LỚP 8/9	NỮ	31/3/2009	4/1/2023	55	155	22.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	TRẦN YẾN VY	LỚP 8/9	NỮ	28/5/2009	4/1/2023	47	154	19.8	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	MÃO SỬ, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	TRƯƠNG TRỌNG NGHĨA	LỚP 8/9	NAM	27/3/2009	4/1/2023	47	157	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
4	TÔ THANH HOÀI	LỚP 8/9	NAM	22/7/2009	4/1/2023	45	157	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
5	TRẦN MINH ĐẠT	LỚP 8/9	NAM	10/4/2009	4/1/2023	74	171	25.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	VÔ THỊ NHƯ QUỲNH	LỚP 8/9	NỮ	13/11/2009	4/1/2023	50	155	20.8	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	TRẦN TẤN DŨNG	LỚP 8/9	NAM	27/3/2009	4/1/2023	45	171	15.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
8	TRẦN THỊ THU MAI	LỚP 8/9	NỮ	24/4/2009	4/1/2023	46	156	18.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN NGỌC THẢO UYÊN	LỚP 8/9	NỮ	20/2/2009	4/1/2023	49	153	20.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ THỊ ANH THƯ	LỚP 8/9	NỮ	21/3/2009	4/1/2023	39	152	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
11	TRƯƠNG NGỌC TƯỜNG LAM	LỚP 8/9	NỮ	9/11/2009	4/1/2023	56	160	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN NGỌC HẢ MY	LỚP 8/9	NỮ	27/11/2009	4/1/2023	53	162	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	PHAN HOÀNG PHƯƠNG LINH	LỚP 8/9	NỮ	16/10/2009	4/1/2023	51	154	21.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN NGỌC KIỀU MY	LỚP 8/9	NỮ	31/7/2009	4/1/2023	43	155	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN NGỌC VÂN THƯ	LỚP 8/9	NỮ	25/6/2009	4/1/2023	43	154	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGÔ THỊ TRINH	LỚP 8/9	NỮ	29/5/2009	4/1/2023	44	153	18.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	TÔNG THỊ THANH MAI	LỚP 8/9	NỮ	13/1/2009	4/1/2023	51	156	21.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	LẠI NGUYỄN MỸ NGỌC	LỚP 8/9	NỮ	1/12/2009	4/1/2023	61	155	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGÔ QUỐC LONG	LỚP 8/9	NAM	25/2/2009	4/1/2023	72	173	24.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	TRƯƠNG TRÍ NGHĨA	LỚP 8/9	NAM	27/3/2009	4/1/2023	71	167	25.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN THÀNH HIỀN	LỚP 8/9	NAM	22/7/2009	4/1/2023	63	170	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	PHẠM XUÂN PHÚC	LỚP 8/9	NAM	23/10/2009	4/1/2023	68	159	26.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	PHẠM VĂN HIỆP	LỚP 8/9	NAM	5/7/2009	4/1/2023	51	167	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
24	ĐẶNG HOÀI AN	LỚP 8/9	NỮ	4/5/2009	4/1/2023	75	152	32.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGUYỄN VĂN CHIẾN	LỚP 8/9	NAM	7/5/2009	4/1/2023	42	165	15.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	LA QUỐC HOÀNG SANG	LỚP 8/9	NAM	1/11/2009	4/1/2023	51	159	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	HUỶNH TRỌNG PHI	LỚP 8/9	NAM	24/9/2009	4/1/2023	49	158	19.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
28	DƯƠNG THANH HÙNG	LỚP 8/9	NAM	13/7/2008	4/1/2023	63	162	24.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGUYỄN LÊ TẤN DUY	LỚP 8/9	NAM	23/8/2009	4/1/2023	57	168	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	HUỶNH TẤN BAO	LỚP 8/9	NAM	21/8/2009	4/1/2023	80	174	26.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGÔ KIẾN HUY	LỚP 8/9	NAM	5/7/2009	4/1/2023	58	162	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN TẤN SANG	LỚP 8/9	NAM	16/7/2009	4/1/2023	67	167	24.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN TẤN PHÁT	LỚP 8/9	NAM	6/5/2009	4/1/2023	63	165	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK<7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	TRẦN MINH KHANG	LỚP 8/9	NAM	10/10/2009	4/1/2023	60	165	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	TRẦN THANH NGUYỄN	LỚP 8/9	NAM	25/11/2009	4/1/2023	64	164	23.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	LÊ KHẢ DOANH	LỚP 8/9	NỮ	5/2/2009	4/1/2023	45	155	18.7	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	VI XUÂN HUY	LỚP 8/9	NAM	5/8/2009	4/1/2023	47	156	19.3	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐÀO	LỚP 8/9	NỮ	9/2/2009	4/1/2023	53	153	22.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
	<u>LỚP 8/10</u>																
1	NGUYỄN NGỌC HOÀI	LỚP 8/10	NAM	2/12/2009	4/1/2023	47	153	20.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	LÊ MINH KHA	LỚP 8/10	NAM	16/12/2009	4/1/2023	37	151	16.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	TRỊNH NGỌC BẢO HÂN	LỚP 8/10	NỮ	7/3/2009	4/1/2023	45	146	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	CHUNG LÊ ANH LINH	LỚP 8/10	NỮ	16/10/2009	4/1/2023	38	162	14.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
5	TRỊNH PHƯƠNG LAN ANH	LỚP 8/10	NỮ	2/2/2009	4/1/2023	45	154	19.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN PHI YÊN	LỚP 8/10	NỮ	24/10/2009	4/1/2023	64	166	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN VINH XUÂN	LỚP 8/10	NỮ	11/6/2009	4/1/2023	48	158	19.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	PHẠM NGỌC QUỲNH NHƯ	LỚP 8/10	NỮ	26/7/2009	4/1/2023	50	160	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	PHẠM NGỌC NHƯ QUỲNH	LỚP 8/10	NỮ	26/7/2009	4/1/2023	53	162	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	LÊ KIM HẰNG	LỚP 8/10	NỮ	1/6/2009	4/1/2023	79	165	29.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	PHẠM PHƯƠNG THẢO	LỚP 8/10	NỮ	12/9/2009	4/1/2023	66	164	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	LÊ NGUYỄN BÔI BÔI	LỚP 8/10	NỮ	9/7/2009	4/1/2023	62	164	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	LÊ NGỌC ANH THƯ	LỚP 8/10	NỮ	28/8/2009	4/1/2023	61	167	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	PHÙNG THỊ LỆ QUYÊN	LỚP 8/10	NỮ	1/1/2009	4/1/2023	59	160	23.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NGHI	LỚP 8/10	NỮ	23/12/2009	4/1/2023	81	155	33.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	LỚP 8/10	NỮ	29/1/2009	4/1/2023	56	162	21.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	LỚP 8/10	NỮ	9/12/2009	4/1/2023	67	165	24.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	PHAN THỊ THANH TRÚC	LỚP 8/10	NỮ	13/8/2009	4/1/2023	49	158	19.6	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK>7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	LÊ NHƯ KIỀU MỸ THÈ	LỚP 8/10	NỮ	20/9/2009	4/1/2023	40	158	16.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
20	ĐỖ THỊ THANH TUYỀN	LỚP 8/10	NỮ	29/11/2009	4/1/2023	45	150	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN TRẦN GIA BẢO	LỚP 8/10	NAM	3/10/2009	4/1/2023	66	160	25.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	LÊ NGUYỄN GIA HUY	LỚP 8/10	NAM	8/4/2008	4/1/2023	63	167	22.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	ĐỖ PHẠM THANH DUY	LỚP 8/10	NAM	28/1/2009	4/1/2023	52	167	18.6	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MP KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	MAI CHUNG HIẾU	LỚP 8/10	NAM	17/10/2009	4/1/2023	54	167	19.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC THỦY	LỚP 8/10	NỮ	18/11/2009	4/1/2023	39	152	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN HOÀNG HUY	LỚP 8/10	NAM	12/8/2009	4/1/2023	47	164	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
27	TRẦN MINH TUẤN ANH	LỚP 8/10	NAM	21/6/2009	4/1/2023	45	165	16.5	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	BÙI GIA HUY	LỚP 8/10	NAM	13/1/2009	4/1/2023	37	161	14.3	NC	NHẸ CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	ĐINH GIA LONG	LỚP 8/10	NAM	11/5/2009	4/1/2023	62	171	21.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
30	NGUYỄN HOÀNG DUY	LỚP 8/10	NAM	13/12/2009	4/1/2023	61	155	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	CHÂU HỒNG HOÀNG	LỚP 8/10	NAM	17/3/2009	4/1/2023	49	159	19.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
32	TRẦN TUẤN KIẾT	LỚP 8/10	NAM	14/8/2009	4/1/2023	62	156	25.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	HUỲNH THANH PHONG	LỚP 8/10	NAM	24/4/2009	4/1/2023	49	165	18.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN THIÊN QUÍ	LỚP 8/10	NAM	9/9/2009	4/1/2023	44	160	17.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	PHẠM THANH TÍN	LỚP 8/10	NAM	10/5/2008	4/1/2023	50	169	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN ANH DUY	LỚP 8/10	NAM	14/2/2009	4/1/2023	48	161	18.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGUYỄN ĐỨC LỢI	LỚP 8/10	NAM	4/8/2009	4/1/2023	55	152	23.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 9/1</u>																
1	CHÂU KIM NGÂN	LỚP 9/1	NỮ	19/7/2008	4/1/2023	36	154	15.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	PHẠM MAI CHI	LỚP 9/1	NỮ	28/9/2008	4/1/2023	34	146	16.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	NGUYỄN ĐĂNG HÀ VY	LỚP 9/1	NỮ	13/10/2008	4/1/2023	39	152	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	ĐẶNG NGUYỄN THU NGÂN	LỚP 9/1	NỮ	26/6/2008	4/1/2023	58	142	28.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	LỚP 9/1	NỮ	14/2/2008	4/1/2023	43	153	18.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG, MÃO SÚ	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	PHẠM LÊ NHÀ PHƯƠNG	LỚP 9/1	NỮ	28/6/2008	4/1/2023	48	158	19.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	MẮT RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN TÔ ANH DƯƠNG	LỚP 9/1	NỮ	22/3/2008	4/1/2023	49	155	20.4	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG, VÔI RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	TRẦN NGỌC KIỀU THI	LỚP 9/1	NỮ	29/5/2008	4/1/2023	60	156	24.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	BÙI KIM OANH	LỚP 9/1	NỮ	4/7/2008	4/1/2023	52	166	18.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	LỚP 9/1	NỮ	3/12/2008	4/1/2023	55	152	23.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	HUỲNH MINH HẰNG	LỚP 9/1	NỮ	11/1/2008	4/1/2023	42	155	17.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN THANH THI	LỚP 9/1	NỮ	4/4/2008	4/1/2023	46	161	17.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN THỤY QUỲNH ANH	LỚP 9/1	NỮ	5/11/2008	4/1/2023	46	158	18.4	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK MP >7/10, MT <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	PHẠM PHƯƠNG VY	LỚP 9/1	NỮ	7/3/2008	4/1/2023	48	153	20.5	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	LỚP 9/1	NỮ	9/6/2008	4/1/2023	49	163	18.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	LỚP 9/1	NỮ	25/1/2008	4/1/2023	63	161	24.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN GIA HẰN	LỚP 9/1	NỮ	5/7/2008	4/1/2023	52	160	20.3	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	PHẠM THỊ MINH THƯ	LỚP 9/1	NỮ	18/2/2008	4/1/2023	65	170	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	LỚP 9/1	NỮ	31/8/2008	4/1/2023	47	150	20.9	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
20	PHAN NGỌC ÁI VÂN	LỚP 9/1	NỮ	31/8/2008	4/1/2023	48	157	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRẦN KHA NHI	LỚP 9/1	NỮ	19/4/2008	4/1/2023	52	160	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	LỚP 9/1	NỮ	24/12/2008	4/1/2023	42	164	15.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK MP >7/10, MT <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	TRƯƠNG THỊ NGỌC YẾN	LỚP 9/1	NỮ	18/8/2008	4/1/2023	40	157	16.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN THỤY NHƯ QUỲNH	LỚP 9/1	NỮ	16/8/2008	4/1/2023	65	152	28.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	TRẦN THÀNH PHÁT	LỚP 9/1	NAM	24/1/2008	4/1/2023	59	160	23.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	LỚP 9/1	NỮ	4/12/2008	4/1/2023	48	151	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	VÕ NGỌC THUY VY	LỚP 9/1	NỮ	17/10/2008	4/1/2023	42	157	17.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	LÊ THỊ HỒNG LAM	LỚP 9/1	NỮ	13/8/2008	4/1/2023	38	149	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	LỚP 9/1	NỮ	9/1/2008	4/1/2023	45	152	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN AN ĐÔNG	LỚP 9/1	NỮ	27/7/2008	4/1/2023	46	156	18.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
31	PHẠM THỤY THỂ VY	LỚP 9/1	NỮ	7/4/2008	4/1/2023	52	157	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	AMYĐAN QUÁ PHÁT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	VÕ NGỌC NHƯ KHÁNH	LỚP 9/1	NỮ	19/12/2008	4/1/2023	55	165	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	TRẦN MAI THY	LỚP 9/1	NỮ	24/1/2008	4/1/2023	50	169	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
34	TÔ THỊ HỒNG PHƯỢNG	LỚP 9/1	NỮ	3/11/2008	4/1/2023	42	161	16.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	CAO THÀNH DANH	LỚP 9/1	NAM	19/8/2008	4/1/2023	50	160	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN NGÔ THÀNH NHÂN	LỚP 9/1	NAM	9/2/2008	4/1/2023	75	178	23.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	LÊ HOÀNG LONG	LỚP 9/1	NAM	23/8/2008	4/1/2023	47	166	17.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN TRẦN ĐỨC TÀI	LỚP 9/1	NAM	11/10/2008	4/1/2023	55	173	18.4	BT	BT	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	PHẠM GIA HÙNG	LỚP 9/1	NAM	7/11/2008	4/1/2023	68	171	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK MP >7/10, MT <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	NGUYỄN HOÀNG NHẬT DUY	LỚP 9/1	NAM	12/7/2008	4/1/2023	48	161	18.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	HUỲNH HOÀNG QUÂN	LỚP 9/1	NAM	4/6/2008	4/1/2023	58	166	21.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK MP >7/10, MT <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	PHẠM TRƯỜNG SANG	LỚP 9/1	NAM	21/2/2008	4/1/2023	49	166	17.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
43	TRẦN NGUYỄN THANH PHONG	LỚP 9/1	NAM	9/2/2008	4/1/2023	55	168	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
44	LƯU NHẬT HÒA	LỚP 9/1	NAM	14/4/2008	4/1/2023	81	173	27.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 9/2																
1	HÔNG QUANG MINH	LỚP 9/2	NAM	26/5/2008	4/1/2023	56	175	18.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ MT CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
2	LÊ NGUYỄN	LỚP 9/2	NAM	21/5/2008	4/1/2023	50	169	17.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ MT CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	VÕ ÁI NGUYỄN	LỚP 9/2	NAM	5/8/2008	4/1/2023	50	159	19.8	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGUYỄN VŨ GIA BẢO	LỚP 9/2	NAM	20/1/2008	4/1/2023	50	166	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	LÊ NHẬT TÂN AN	LỚP 9/2	NAM	2/2/2008	4/1/2023	59	162	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	LÊ GIA BẢO	LỚP 9/2	NAM	2/6/2008	4/1/2023	48	163	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN THIỀU THÁNH CÔNG	LỚP 9/2	NAM	3/1/2008	4/1/2023	50	167	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	TRẦN HOÀNG PHÚC	LỚP 9/2	NAM	28/12/2008	4/1/2023	50	176	16.1	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	VỎI RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	ĐỖ PHÚC HUNG	LỚP 9/2	NAM	10/11/2008	4/1/2023	60	181	18.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	NGUYỄN THÀNH NHÂN	LỚP 9/2	NAM	11/6/2008	4/1/2023	46	166	16.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	TRẦN ĐĂNG KHOA	LỚP 9/2	NAM	3/5/2008	4/1/2023	60	166	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	CHÂN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	THÁI THIỆN Ý	LỚP 9/2	NAM	17/6/2008	4/1/2023	55	164	20.4	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	TRẦN TRUNG HẬU	LỚP 9/2	NAM	26/11/2008	4/1/2023	43	155	17.9	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN TRUNG HẬU	LỚP 9/2	NAM	7/7/2008	4/1/2023	40	164	14.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN MINH ĐĂNG	LỚP 9/2	NAM	29/4/2008	4/1/2023	55	168	19.5	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	LÊ THỊ HOA HUỆ	LỚP 9/2	NỮ	7/4/2008	4/1/2023	40	150	17.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	VÕ THÙY LINH	LỚP 9/2	NỮ	23/12/2008	4/1/2023	40	153	17.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	TRƯƠNG THẢO NGHI	LỚP 9/2	NỮ	24/6/2008	4/1/2023	38	153	16.2	BT	BT	BT	BT	BT	CHÂN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	TRẦN GIA HÂN	LỚP 9/2	NỮ	3/3/2008	4/1/2023	55	154	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	NGÔ TÂM THANH	LỚP 9/2	NỮ	17/3/2008	4/1/2023	59	159	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	HUỖNH KIM NGỌC	LỚP 9/2	NỮ	23/8/2008	4/1/2023	49	160	19.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	LỚP 9/2	NỮ	5/2/2008	4/1/2023	52	164	19.3	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	PHAN TRẦN TƯỜNG VY	LỚP 9/2	NỮ	12/3/2008	4/1/2023	49	158	19.6	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN LÂM NGỌC MAI	LỚP 9/2	NỮ	2/8/2008	4/1/2023	55	150	24.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LÊ TỬ QUYỀN	LỚP 9/2	NỮ	27/7/2008	4/1/2023	50	159	19.8	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	THÁI THỊ YẾN NHÌ	LỚP 9/2	NỮ	28/9/2008	4/1/2023	35	159	13.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	LỚP 9/2	NỮ	13/7/2008	4/1/2023	42	156	17.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG VY	LỚP 9/2	NỮ	17/3/2008	4/1/2023	43	154	18.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
29	HÀ BẢO AN	LỚP 9/2	NỮ	21/11/2008	4/1/2023	55	157	22.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	CAO NGỌC NHÀ UYÊN	LỚP 9/2	NỮ	2/2/2008	4/1/2023	45	151	19.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	HỒNG NGỌC MINH	LỚP 9/2	NỮ	26/5/2008	4/1/2023	43	160	19.6	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN THỊ KIM ANH	LỚP 9/2	NỮ	5/1/2008	4/1/2023	49	157	24.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	ĐÌNH THIÊN AN	LỚP 9/2	NỮ	13/8/2008	4/1/2023	60	158	19.8	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN NGỌC KIM KHÁNH	LỚP 9/2	NỮ	22/9/2008	4/1/2023	46	162	13.8	BT	BT	BT	BT	BT	MÃO SỬ	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	LỚP 9/2	NỮ	9/2/2008	4/1/2023	38	150	17.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ KK MP <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	LÊ NGUYỄN THÚY VY	LỚP 9/2	NỮ	20/11/2008	4/1/2023	43	159	18.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	AMYDAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	VÔ NGUYỄN THỦY LINH	LỚP 9/2	NỮ	28/2/2008	4/1/2023	45	157	22.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	HUỲNH THANH NGÂN	LỚP 9/2	NỮ	25/7/2008	4/1/2023	44	148	19.7	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	TRƯƠNG ĐẶNG THIÊN HƯƠNG	LỚP 9/2	NỮ	4/6/2008	4/1/2023	59	157	16.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	ĐOÀN HUỲNH NHƯ NGỌC	LỚP 9/2	NỮ	5/11/2008	4/1/2023	48	158	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	CHÂN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	LỚP 9/2	NỮ	6/8/2008	4/1/2023	50	150	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	TRẦN NGỌC PHƯƠNG THẢO	LỚP 9/2	NỮ	6/6/2008	4/1/2023	44	154	18.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
43	NGUYỄN GIA HÂN	LỚP 9/2	NỮ	7/11/2008	4/1/2023	45	159	17.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 9/3																
1	NGUYỄN KIM NGÂN	LỚP 9/3	NỮ	17/12/2008	4/1/2023	37	145	17.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	DANH THỊ YẾN NHI	LỚP 9/3	NỮ	12/12/2008	4/1/2023	34	152	14.7	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	PHÙNG NGỌC YẾN VY	LỚP 9/3	NỮ	3/4/2008	4/1/2023	74	167	26.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	KHE HỞ MÔI ĐÃ PHẪU THUẬT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	LÊ NGỌC PHƯƠNG ANH	LỚP 9/3	NỮ	2/6/2008	4/1/2023	48	163	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	LỚP 9/3	NỮ	22/10/2008	4/1/2023	50	161	19.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN THỊ MỸ QUYÊN	LỚP 9/3	NỮ	5/1/2008	4/1/2023	45	156	18.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN HOÀNG VY	LỚP 9/3	NỮ	25/4/2008	4/1/2023	46	156	18.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN HÀ LINH	LỚP 9/3	NỮ	11/10/2008	4/1/2023	56	154	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	BÙI THỦY KHÁNH LINH	LỚP 9/3	NỮ	25/9/2008	4/1/2023	45	145	21.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
10	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	LỚP 9/3	NỮ	20/3/2008	4/1/2023	50	162	19.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ KK MT <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	TRẦN THỊ MAI THY	LỚP 9/3	NỮ	9/1/2008	4/1/2023	59	166	21.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK MP >7/10, MT < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	LÊ TRẦN ANH ĐÀO	LỚP 9/3	NỮ	12/8/2008	4/1/2023	69	168	24.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	VÕ BẢO NGỌC	LỚP 9/3	NỮ	13/7/2008	4/1/2023	43	157	17.4	BT	BT	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	CAO CẨM THY	LỚP 9/3	NỮ	23/3/2008	4/1/2023	41	151	18.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	TRẦN THỊ HỒNG ÁNH	LỚP 9/3	NỮ	1/7/2008	4/1/2023	53	156	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGÔ HỒNG PHÚ	LỚP 9/3	NAM	23/10/2008	4/1/2023	60	161	23.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN NGỌC THẢO UYÊN	LỚP 9/3	NỮ	27/7/2008	4/1/2023	52	151	22.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	TRẦN MINH QUÂN	LỚP 9/3	NAM	10/9/2008	4/1/2023	58	167	20.8	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	BÙI VĨNH KHANG	LỚP 9/3	NAM	25/9/2008	4/1/2023	52	167	18.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	TRẦN QUỐC MINH	LỚP 9/3	NAM	4/7/2008	4/1/2023	104	181	31.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	NGUYỄN TÂN PHÁT	LỚP 9/3	NAM	1/8/2008	4/1/2023	58	158	23.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ KK MP <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN ĐỨC NAM	LỚP 9/3	NAM	10/5/2008	4/1/2023	72	163	27.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	TRẦN MINH NHÂN	LỚP 9/3	NAM	11/12/2008	4/1/2023	68	173	22.7	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	LÊ NGỌC QUANG	LỚP 9/3	NAM	21/7/2008	4/1/2023	51	160	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	VÕ HOÀNG ĐỨC	LỚP 9/3	NAM	9/1/2008	4/1/2023	55	168	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	MÃO SỬ	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	PHAN THANH GIA BẢO	LỚP 9/3	NAM	27/12/2008	4/1/2023	52	162	19.8	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGÔ THANH BÌNH	LỚP 9/3	NAM	23/1/2008	4/1/2023	64	159	25.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	BÙI NGỌC TIẾN	LỚP 9/3	NAM	4/11/2008	4/1/2023	69	171	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	MÁT RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGUYỄN TRẦN CHIẾN THẮNG	LỚP 9/3	NAM	11/6/2008	4/1/2023	110	168	39.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	PHẠM HOÀNG LONG	LỚP 9/3	NAM	8/1/2008	4/1/2023	74	169	25.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGUYỄN HOÀNG TÂM	LỚP 9/3	NAM	25/11/2007	4/1/2023	64	171	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN MẠNH NGHĨA	LỚP 9/3	NAM	25/1/2008	4/1/2023	77	160	30.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	LỚP 9/3	NAM	4/10/2008	4/1/2023	52	166	18.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	LỚP 9/3	NAM	11/2/2008	4/1/2023	50	164	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN NHẬT HUY	LỚP 9/3	NAM	5/12/2008	4/1/2023	53	160	20.7	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	LỚP 9/3	NAM	16/4/2008	4/1/2023	62	163	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
37	PHẠM QUỐC QUỶ	LỚP 9/3	NAM	8/3/2008	4/1/2023	74	168	26.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	LÊ VŨ TRỌNG KHÔI	LỚP 9/3	NAM	11/6/2008	4/1/2023	52	160	20.3	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	LÝ CHÂU PHÚ	LỚP 9/3	NAM	25/5/2008	4/1/2023	49	167	17.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	LÊ HOÀNG MINH KHÔI	LỚP 9/3	NAM	1/7/2008	4/1/2023	58	165	21.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 9/4																
1	KỶ VĂN ANH	LỚP 9/4	NỮ	15/11/2008	4/1/2023	57	158	22.8	BP	BÉO PHÌ	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	TRƯƠNG LÊ THANH NGÂN	LỚP 9/4	NỮ	21/12/2008	4/1/2023	42	152	18.2	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	NGUYỄN LÊ NHƯ Ý	LỚP 9/4	NỮ	8/12/2008	4/1/2023	40	156	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	VÕ NGỌC KIM THƯ	LỚP 9/4	NỮ	16/6/2008	4/1/2023	48	135	26.3	BP	BÉO PHÌ	VIÊM KHỚP HÁNG	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	LỚP 9/4	NỮ	27/8/2008	4/1/2023	38	148	17.3	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	TRỊNH THANH THỦY	LỚP 9/4	NỮ	16/8/2008	4/1/2023	48	158	19.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	MÁT RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	LÊ THỊ NGỌC SANG	LỚP 9/4	NỮ	21/11/2008	4/1/2023	73	152	31.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	LÊ PHẠM YÊN NHI	LỚP 9/4	NỮ	7/10/2008	4/1/2023	48	159	19.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	ĐÀO THÁI THỤY	LỚP 9/4	NỮ	12/11/2008	4/1/2023	42	162	16.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	PHAN BẢO NGHỊ	LỚP 9/4	NỮ	22/12/2008	4/1/2023	48	157	19.5	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	PHẠM THỊ THANH MAI	LỚP 9/4	NỮ	18/3/2008	4/1/2023	62	167	22.2	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	PHÙNG TRƯƠNG KHAI TÂM	LỚP 9/4	NỮ	2/7/2008	4/1/2023	58	163	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	TRẦN PHÚ HẢO	LỚP 9/4	NAM	7/11/2008	4/1/2023	62	173	20.7	ThC	THỪA CẢN	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	PHẠM GIA HUY	LỚP 9/4	NAM	27/12/2008	4/1/2023	53	155	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN KHẮC VIỆT ANH	LỚP 9/4	NAM	22/12/2008	4/1/2023	45	161	17.4	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	NGUYỄN LÊ MINH NHÂN	LỚP 9/4	NAM	22/9/2008	4/1/2023	41	162	15.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	TRỊNH HOÀNG ANH	LỚP 9/4	NAM	6/1/2008	4/1/2023	50	162	19.1	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	CHÂU GIA PHÁT	LỚP 9/4	NAM	2/1/2008	4/1/2023	84	169	29.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	LÊ MINH TRỌNG	LỚP 9/4	NAM	22/10/2008	4/1/2023	53	176	17.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	LÊ MINH THÔNG	LỚP 9/4	NAM	17/7/2008	4/1/2023	60	163	22.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
21	CA QUỐC BẢO	LỚP 9/4	NAM	11/6/2008	4/1/2023	70	166	25.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGÔ TÂM THÔNG	LỚP 9/4	NAM	11/4/2007	4/1/2023	61	172	20.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	LỚP 9/4	NAM	6/11/2008	4/1/2023	60	166	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN CÔNG HUY	LỚP 9/4	NAM	28/11/2008	4/1/2023	59	166	21.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	DƯƠNG ĐỨC TRÍ	LỚP 9/4	NAM	13/3/2008	4/1/2023	55	159	21.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	VŨ VĂN HIỆP	LỚP 9/4	NAM	9/8/2008	4/1/2023	59	167	21.2	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGÔ NHẬT MINH	LỚP 9/4	NAM	18/7/2008	4/1/2023	45	157	18.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
28	LÊ NGỌC PHƯỚC	LỚP 9/4	NAM	13/10/2008	4/1/2023	43	161	16.6	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	NGUYỄN TÂN PHÚC VINH	LỚP 9/4	NAM	29/4/2008	4/1/2023	56	169	19.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	PHẠM ĐOÀN KHÁNH HÙNG	LỚP 9/4	NAM	28/8/2008	4/1/2023	65	163	24.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	PHẠM MINH DUY	LỚP 9/4	NAM	1/1/2008	4/1/2023	48	163	18.1	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
32	NGUYỄN THÁI KHANG	LỚP 9/4	NAM	10/10/2007	4/1/2023	46	169	16.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	HUỲNH PHƯỚC HÙNG	LỚP 9/4	NAM	7/12/2008	4/1/2023	50	153	21.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	VÕ NGUYỄN MINH HÀ	LỚP 9/4	NỮ	17/6/2008	4/1/2023	49	167	17.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	LỚP 9/4	NỮ	26/9/2008	4/1/2023	42	160	16.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	LÝ TRÍ KHANG	LỚP 9/4	NAM	6/7/2008	4/1/2023	75	171	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	VÕ THỊ MỸ QUYÊN	LỚP 9/4	NỮ	11/5/2008	4/1/2023	59	157	23.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	TRƯƠNG VĂN PHÚC NGUYỄN	LỚP 9/4	NAM	18/6/2008	4/1/2023	46	163	17.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	CHỈNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	CAO THÀNH TRUNG	LỚP 9/4	NAM	9/11/2008	4/1/2023	59	171	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
40	CAO GIA HÂN	LỚP 9/4	NỮ	10/5/2008	4/1/2023	74	154	31.2	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	TRỊNH THỊ NGỌC DUNG	LỚP 9/4	NỮ	6/9/2008	4/1/2023	45	154	19.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	NGUYỄN THÙY AN	LỚP 9/4	NỮ	29/7/2008	4/1/2023	50	158	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
43	TÔ QUYÊN TÂM NHƯ	LỚP 9/4	NỮ	18/10/2008	4/1/2023	48	155	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 9/5																
1	NGUYỄN PHÚC MINH HUY	LỚP 9/5	NAM	1/12/2008	4/1/2023	70	161	27.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	NGUYỄN HOÀNG TÍN	LỚP 9/5	NAM	21/5/2008	4/1/2023	52	165	19.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	HUỲNH TÂN HÙNG	LỚP 9/5	NAM	27/9/2008	4/1/2023	71	162	27.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	MÁT RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	ĐỖ MINH ĐẠT	LỚP 9/5	NAM	1/11/2008	4/1/2023	64	176	20.7	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	ĐẶNG NGUYỄN NHẬT	LỚP 9/5	NAM	2/10/2008	4/1/2023	45	160	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN ANH KHÔI	LỚP 9/5	NAM	27/3/2008	4/1/2023	60	167	21.5	BP	BÉO PHÌ	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
7	BÙI PHÚ TRIỆU	LỚP 9/5	NAM	23/7/2008	4/1/2023	76	182	22.9	BP	BÉO PHÌ	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	HOÀNG ĐĂNG THỊNH	LỚP 9/5	NAM	18/9/2008	4/1/2023	58	162	22.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG, VIÊM RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	NGUYỄN HOÀNG NHỰT PHÁT	LỚP 9/5	NAM	8/5/2008	4/1/2023	59	162	22.5	BP	BÉO PHÌ	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG, VỎI RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	NGUYỄN TUẤN VŨ	LỚP 9/5	NAM	29/9/2008	4/1/2023	82	178	25.9	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN TRỌNG DZOÀN	LỚP 9/5	NAM	11/11/2008	4/1/2023	48	149	21.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	LẠI KHÁNH HOÀI NAM	LỚP 9/5	NAM	25/10/2008	4/1/2023	58	164	21.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	NGUYỄN HOÀNG NAM	LỚP 9/5	NAM	23/8/2008	4/1/2023	84	170	29.1	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN VĂN CỒN	LỚP 9/5	NAM	24/1/2008	4/1/2023	54	157	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	PHẠM NGUYỄN NAM PHƯƠNG	LỚP 9/5	NAM	4/9/2008	4/1/2023	69	165	25.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	TÔ SỸ NGHỊ	LỚP 9/5	NAM	7/3/2008	4/1/2023	74	176	23.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN THỊ HOÀNG MAI	LỚP 9/5	NỮ	7/10/2008	4/1/2023	57	158	22.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	LỚP 9/5	NỮ	24/8/2008	4/1/2023	61	167	21.9	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGUYỄN KIM PHỤNG	LỚP 9/5	NỮ	9/2/2008	4/1/2023	48	151	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	LÊ THỊ HỒNG YẾN	LỚP 9/5	NỮ	6/4/2008	4/1/2023	47	154	19.8	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	TRẦN TẤN HẬU	LỚP 9/5	NAM	23/10/2008	4/1/2023	72	171	24.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	LÊ TUẤN KHANG	LỚP 9/5	NAM	20/12/2008	4/1/2023	85	170	29.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGÔ THANH NGỌC HỒNG	LỚP 9/5	NỮ	29/10/2008	4/1/2023	42	152	18.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
24	TRƯƠNG THỊ YẾN NHI	LỚP 9/5	NỮ	1/9/2008	4/1/2023	51	157	20.7	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	NGUYỄN TOÀN BẢO HÂN	LỚP 9/5	NỮ	30/6/2008	4/1/2023	80	159	31.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG, MẮT RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGÔ THANH NGỌC UYÊN	LỚP 9/5	NỮ	29/10/2008	4/1/2023	45	153	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
27	TRẦN HÀ MY	LỚP 9/5	NỮ	3/8/2008	4/1/2023	40	152	17.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK > 7/10	BT	MÃO SỬ, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	HỒ THỊ LAN	LỚP 9/5	NỮ	11/2/2007	4/1/2023	39	156	16.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	LÂM THỤY NGỌC TUYẾN	LỚP 9/5	NỮ	6/6/2008	4/1/2023	44	157	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
30	ĐINH NGỌC THẢO	LỚP 9/5	NỮ	18/4/2008	4/1/2023	50	152	21.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	VỎI RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	LỚP 9/5	NỮ	1/8/2008	4/1/2023	56	154	23.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	LÊ MINH HOÀI	LỚP 9/5	NAM	31/10/2008	4/1/2023	57	165	20.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	LÝ YẾN NHI	LỚP 9/5	NỮ	12/3/2008	4/1/2023	44	155	18.3	BT	BT	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	LÝ THỊ HỒNG THẨM	LỚP 9/5	NỮ	15/11/2008	4/1/2023	49	158	19.6	ThC	THỪA CÂN	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Da liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
35	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VI	LỚP 9/5	NỮ	8/6/2008	4/1/2023	43	147	19.9	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	LỚP 9/5	NAM	3/11/2008	4/1/2023	66	166	24.0	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	NGUYỄN MINH HOÀNG	LỚP 9/5	NAM	7/7/2008	4/1/2023	66	179	20.6	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
38	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	LỚP 9/5	NAM	5/1/2008	4/1/2023	64	176	20.7	ThC	THỪA CÂN	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
39	NGUYỄN PHẠM CHÍ THIỆN	LỚP 9/5	NAM	20/12/2008	4/1/2023	50	165	18.4	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
40	NGUYỄN HỒ XUÂN THUY	LỚP 9/5	NỮ	18/12/2008	4/1/2023	47	142	23.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
41	NGUYỄN VĂN SỸ	LỚP 9/5	NAM	17/12/2008	4/1/2023	50	163	18.8	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
42	TRẦN CHUNG HANSUR	LỚP 9/5	NỮ	17/2/2008	4/1/2023	53	162	20.2	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI HỌNG CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 9/6																
1	TRƯƠNG DUY KHANG	LỚP 9/6	NAM	21/9/2008	4/1/2023	60	167	21.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	TRƯƠNG VÕ MINH NHỰT	LỚP 9/6	NAM	21/10/2008	4/1/2023	61	170	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	VÕ THANH LÂM	LỚP 9/6	NAM	15/4/2008	4/1/2023	99	172	33.5	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	PHAN TRỊNH ANH TUẤN	LỚP 9/6	NAM	16/7/2008	4/1/2023	78	166	28.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN KHA	LỚP 9/6	NAM	19/10/2008	4/1/2023	50	167	17.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	NGUYỄN TUẤN KHANH	LỚP 9/6	NAM	28/3/2008	4/1/2023	85	178	26.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	HUỖNH NGỌC VINH	LỚP 9/6	NAM	22/6/2008	4/1/2023	120	181	36.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN QUỐC THỊNH	LỚP 9/6	NAM	5/6/2007	4/1/2023	52	172	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LÊ QUỐC TRỌNG	LỚP 9/6	NAM	4/9/2008	4/1/2023	82	157	33.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	NGUYỄN HỮU VINH	LỚP 9/6	NAM	1/10/2008	4/1/2023	60	169	21.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	NGUYỄN THÀNH LONG	LỚP 9/6	NAM	18/10/2008	4/1/2023	85	170	29.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	HUỖNH THANH HIẾU	LỚP 9/6	NAM	7/12/2008	4/1/2023	80	171	27.4	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	LÊ TRỌNG PHÚC	LỚP 9/6	NAM	22/2/2008	4/1/2023	53	167	19.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN THANH HOÀN	LỚP 9/6	NAM	24/11/2008	4/1/2023	50	152	21.6	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	NGUYỄN MINH TIẾN	LỚP 9/6	NAM	20/11/2008	4/1/2023	55	160	21.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	HUỖNH ANH HẢO	LỚP 9/6	NAM	23/9/2008	4/1/2023	50	163	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
17	TRỊNH CÔNG HIỆP	LỚP 9/6	NAM	15/4/2006	4/1/2023	61	170	21.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	DUY A TUẤN	LỚP 9/6	NAM	13/6/2008	4/1/2023	50	169	17.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
19	TRẦN CHÍ CƯỜNG	LỚP 9/6	NAM	24/10/2008	4/1/2023	79	170	27.3	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
20	TRƯƠNG TRÍ HIẾU	LỚP 9/6	NAM	27/4/2008	4/1/2023	52	170	18.0	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	DUUƠNG GIA HUY	LỚP 9/6	NAM	12/4/2008	4/1/2023	75	169	26.3	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	LAI BÌNH LÂM	LỚP 9/6	NAM	15/8/2008	4/1/2023	54	160	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGÔ TÂN ĐỨC	LỚP 9/6	NAM	10/5/2008	4/1/2023	62	164	23.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	HOÀNG QUẢN PHÚC	LỚP 9/6	NAM	31/7/2008	4/1/2023	52	171	17.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	TRẦN THỊ LOAN	LỚP 9/6	NỮ	9/1/2008	4/1/2023	40	154	16.9	BT	BT	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN GIA BẢO	LỚP 9/6	NAM	17/6/2008	4/1/2023	81	167	29.0	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	LÂM THUY MỸ TRẦN	LỚP 9/6	NỮ	23/1/2008	4/1/2023	48	158	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
28	LÊ THÙY ANH THƯ	LỚP 9/6	NỮ	7/1/2008	4/1/2023	44	157	17.9	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	DƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH	LỚP 9/6	NỮ	16/9/2008	4/1/2023	38	147	17.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	PHẠM NHỰT TRIỀU PHƯƠNG	LỚP 9/6	NỮ	18/5/2008	4/1/2023	50	164	18.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	TRẦN NGỌC HỒNG NHUNG	LỚP 9/6	NỮ	13/8/2008	4/1/2023	56	159	22.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	TRẦN HIẾU NGỌC VÂN	LỚP 9/6	NỮ	15/5/2007	4/1/2023	60	159	23.7	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	MÁT RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	ĐẶNG NGỌC THÙY DUNG	LỚP 9/6	NỮ	3/10/2008	4/1/2023	60	165	22.0	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	LỚP 9/6	NỮ	28/7/2008	4/1/2023	45	150	20.0	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	VÔ THỊ MỸ TÂM	LỚP 9/6	NỮ	6/11/2008	4/1/2023	64	162	24.4	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	CHÂN RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN NGỌC VÂN THANH	LỚP 9/6	NỮ	25/6/2008	4/1/2023	54	153	23.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	LÊ MỘNG TRIỀU VY	LỚP 9/6	NỮ	18/1/2008	4/1/2023	65	159	25.7	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	<u>LỚP 9/7</u>																
1	TRẦN ĐẶNG ĐỨC LONG	LỚP 9/7	NAM	26/8/2008	4/1/2023	60	161	23.1	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	TRỊNH MỸ TIỀN	LỚP 9/7	NỮ	27/4/2008	4/1/2023	52	157	21.1	ThC	THỪA CÂN	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
3	NGUYỄN TRẦN KIM ANH	LỚP 9/7	NỮ	19/5/2008	4/1/2023	52	160	20.3	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	NGÔ TÂN HUY	LỚP 9/7	NAM	7/12/2008	4/1/2023	63	167	22.6	BP	BÉO PHỈ	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	LỚP 9/7	NỮ	13/8/2008	4/1/2023	50	160	19.5	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	DƯƠNG NGỌC MAI TRANG	LỚP 9/7	NỮ	21/7/2008	4/1/2023	73	161	28.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN TÂN VINH	LỚP 9/7	NAM	6/4/2008	4/1/2023	74	170	25.6	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	TRẦN DUY TÂN	LỚP 9/7	NAM	11/12/2008	4/1/2023	48	161	18.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LẠI NGỌC QUÝ	LỚP 9/7	NAM	28/4/2008	4/1/2023	52	170	18.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
10	NGUYỄN QUỲNH MỘNG QUYNH	LỚP 9/7	NỮ	18/12/2008	4/1/2023	40	155	16.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	PHAN BÍCH THẢO	LỚP 9/7	NỮ	14/11/2008	4/1/2023	46	154	19.4	ThC	THỪA CÂN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
12	ĐƯƠNG TRIỆU MÃN NGHI	LỚP 9/7	NỮ	10/4/2008	4/1/2023	40	153	17.1	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	LỚP 9/7	NỮ	5/11/2008	4/1/2023	46	160	18.0	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ < 7/10	BT	MẮT RĂNG, SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	LỚP 9/7	NỮ	8/8/2008	4/1/2023	42	156	17.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	LÊ KHƯƠNG QUỐC NGÂN	LỚP 9/7	NỮ	9/2/2008	4/1/2023	59	159	23.3	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	ĐƯƠNG THANH THẢO	LỚP 9/7	NỮ	10/3/2008	4/1/2023	64	168	22.7	BP	BÉO PHỈ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	TRỊNH ĐÌNH THANH NGÂN	LỚP 9/7	NỮ	14/7/2008	4/1/2023	61	162	23.2	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	SEN THANH HẰNG	LỚP 9/7	NỮ	4/1/2008	4/1/2023	40	162	15.2	BT	BT	BT	MT TD TẬT KHÚC XẠ KK < 7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	NGÔ THỊ MINH THU	LỚP 9/7	NỮ	17/8/2008	4/1/2023	46	154	19.4	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	VIÊM MŨI DỊ ỨNG	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	LÊ THỊ ANH THU	LỚP 9/7	NỮ	9/11/2008	4/1/2023	36	140	18.4	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	LÊ NGUYỄN MINH QUÂN	LỚP 9/7	NAM	20/7/2008	4/1/2023	98	184	28.9	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	AMYĐAN QUÁ PHÁT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	TRẦN NGUYỄN MINH QUAN	LỚP 9/7	NAM	26/4/2008	4/1/2023	68	165	25.0	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	NGUYỄN TUẤN MINH	LỚP 9/7	NAM	28/9/2008	4/1/2023	40	166	14.5	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
24	NGUYỄN TUẤN HÙNG	LỚP 9/7	NAM	8/9/2008	4/1/2023	53	168	18.8	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LÊ TẤN HẢI	LỚP 9/7	NAM	29/1/2007	4/1/2023	50	164	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	TRẦN NGUYỄN MINH QUYỀN	LỚP 9/7	NAM	26/4/2008	4/1/2023	65	164	24.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
27	NGUYỄN GIA BẢO	LỚP 9/7	NAM	27/12/2008	4/1/2023	63	169	22.1	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	NGÔ ĐĂNG KHOA	LỚP 9/7	NAM	13/4/2008	4/1/2023	50	163	18.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	ĐẶNG LÊN	LỚP 9/7	NAM	2/2/2008	4/1/2023	51	163	19.2	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	TRƯƠNG VÕ MINH PHÚ	LỚP 9/7	NAM	15/5/2008	4/1/2023	58	172	19.6	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	LẠI QUỐC BẢO	LỚP 9/7	NAM	24/7/2008	4/1/2023	73	167	26.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	TRẦN QUỐC HUY	LỚP 9/7	NAM	8/12/2008	4/1/2023	42	159	16.6	BT	BT	BT	MT TẬT KHÚC XẠ CK < 7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
33	EDWIN JING RAMOS	LỚP 9/7	NAM	28/5/2008	4/1/2023	112	167	40.2	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	AMYĐAN QUÁ PHÁT, VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
34	LÊ THÁI NGỌC HIỀN	LỚP 9/7	NỮ	21/6/2008	5/1/2023	55	164	20.4	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	VÕ PHÚC HẬU	LỚP 9/7	NAM	4/9/2008	4/1/2023	52	164	19.3	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	TRẦN NGỌC MAI	LỚP 9/7	NỮ	9/9/2008	4/1/2023	54	155	22.5	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
37	TRẦN CHUNG HIỂU	LỚP 9/7	NAM	25/11/2008	4/1/2023	73	166	26.5	BP	BÉO PHỈ	BT	BT	VIÊM MŨI CẤP	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
	LỚP 9/8																

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
1	NGUYỄN MINH ĐẠT	LỚP 9/8	NAM	26/12/2008	4/1/2023	48	164	17.8	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
2	HUỲNH KIM NGỌC	LỚP 9/8	NỮ	19/10/2008	4/1/2023	43	152	18.6	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
3	LẠI NGỌC ÁNH TUYẾT	LỚP 9/8	NỮ	19/11/2008	4/1/2023	55	157	22.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
4	ĐẶNG NGỌC NHƯ Ý	LỚP 9/8	NỮ	29/6/2008	4/1/2023	45	156	18.5	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	VIÊM MŨI CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
5	TRẦN NGUYỄN QUÊ TRẦN	LỚP 9/8	NỮ	13/7/2008	4/1/2023	44	158	17.6	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
6	TRÂM BỘI VÂN	LỚP 9/8	NỮ	16/12/2008	4/1/2023	42	152	18.2	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
7	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	LỚP 9/8	NỮ	11/3/2008	4/1/2023	34	143	16.6	BT	BT	BT	BT	BT	ĐA SÂU RĂNG, HỖ HÀM CHUA PHẪU THUẬT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
8	NGUYỄN THỊ LAN TRINH	LỚP 9/8	NỮ	7/10/2008	4/1/2023	55	163	20.7	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
9	LÊ THỊ KIM THO	LỚP 9/8	NỮ	13/6/2008	4/1/2023	61	156	25.1	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
10	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG VY	LỚP 9/8	NỮ	10/11/2008	4/1/2023	63	157	25.6	BP	BÉO PHÌ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
11	PHẠM KIM NGÂN	LỚP 9/8	NỮ	31/7/2008	4/1/2023	65	169	22.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
12	NGUYỄN HOÀNG VY	LỚP 9/8	NỮ	2/2/2008	4/1/2023	55	158	22.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
13	ĐẶNG THỊ TUYẾT NHI	LỚP 9/8	NỮ	31/7/2008	4/1/2023	60	155	25.0	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
14	PHẠM HOÀNG MINH LONG	LỚP 9/8	NAM	14/2/2008	4/1/2023	40	159	15.8	BT	BT	BT	TD TẬT KHÚC XẠ MT KK <7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
15	LÊ HOÀNG PHÚ	LỚP 9/8	NAM	30/12/2007	4/1/2023	70	167	25.1	BP	BÉO PHÌ	VIÊM KHỚP LIÊN ĐÓT NGÓN I HAI TAY	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
16	LÊ KIẾN CẦU	LỚP 9/8	NAM	4/5/2008	4/1/2023	48	159	19.0	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
17	NGUYỄN TÔNG KHÔI	LỚP 9/8	NAM	2/1/2008	4/1/2023	56	167	20.1	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
18	LƯU ĐOÀN HỮU ĐỨC	LỚP 9/8	NAM	4/2/2008	4/1/2023	62	176	20.0	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
19	TRẦN NGỌC ĐĂNG ANH	LỚP 9/8	NỮ	18/3/2008	4/1/2023	40	144	19.3	ThC	THỪA CẢN	BT	TẬT KHÚC XẠ CK MP <7/10, MT >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
20	PHẠM HUY TUẤN	LỚP 9/8	NAM	29/6/2008	4/1/2023	76	167	27.3	BP	BÉO PHÌ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
21	DƯƠNG GIA ĐIỀN	LỚP 9/8	NAM	2/7/2008	4/1/2023	54	169	18.9	BT	BT	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
22	NGUYỄN PHẠM THÀNH TỰU	LỚP 9/8	NAM	21/10/2008	4/1/2023	99	169	34.7	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG, MẮT RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
23	LÊ HOÀNG PHÚC	LỚP 9/8	NAM	16/5/2008	4/1/2023	84	169	29.4	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
24	LÂM HUY HOÀNG	LỚP 9/8	NAM	14/1/2007	4/1/2023	87	168	30.8	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
25	LÊ MINH ĐẠT	LỚP 9/8	NAM	6/3/2007	4/1/2023	57	171	19.5	ThC	THỪA CẢN	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
26	NGUYỄN ANH QUÂN	LỚP 9/8	NAM	23/9/2008	4/1/2023	55	160	21.5	BP	BÉO PHÌ	BT	BT	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE

STT	Họ và Tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Ngày khám	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	BMI	Phân loại dinh dưỡng	Nội Khoa (Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thần kinh, tâm thần)	Hệ cơ xương vận động (Chú ý bệnh cong vẹo cột sống) Đa liễu	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng hàm mặt	Phân loại bệnh tật	Phân loại sức khỏe	Kết luận
27	PHẠM QUỐC HUY	LỚP 9/8	NAM	13/6/2008	4/1/2023	50	177	16.0	BT	BT	BT	MP TD TẬT KHÚC XẠ KK <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
28	CHÂU GIA TÍN	LỚP 9/8	NAM	2/12/2008	4/1/2023	55	169	19.3	BT	BT	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
29	CHUNG CHÍ ĐẠT	LỚP 9/8	NAM	26/8/2008	4/1/2023	72	168	25.5	BP	BÉO PHỈ	HẠN CHẾ ĐUỐI KHUYU TAY	BT	VIÊM HỌNG CẤP	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
30	NGUYỄN DUY MINH	LỚP 9/8	NAM	8/11/2008	4/1/2023	50	172	16.9	BT	BT	BT	BT	BT	CHÍNH NHA	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
31	TRỊNH HUỖNH HUY HOÀNG	LỚP 9/8	NAM	30/4/2008	4/1/2023	71	160	27.7	BP	BÉO PHỈ	BT	TẬT KHÚC XẠ CK >7/10	BT	SÂU RĂNG	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
32	ĐÀM VĂN LỘC	LỚP 9/8	NAM	13/6/2008	4/1/2023	50	168	17.7	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
33	ĐÀO TRỌNG NGHĨA	LỚP 9/8	NAM	16/4/2008	4/1/2023	46	163	17.3	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
34	LẠI MINH TRÍ	LỚP 9/8	NAM	17/1/2008	4/1/2023	60	169	21.0	ThC	THỪA CÂN	BT	BT	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
35	TRẦN QUỐC TUẤN	LỚP 9/8	NAM	27/10/2008	4/1/2023	60	168	21.3	BP	BÉO PHỈ	BT	TD TẬT KHÚC XẠ KK MP <7/10	BT	BT	II	II	ĐỦ SỨC KHỎE
36	NGUYỄN MINH PHÁT	LỚP 9/8	NAM	17/4/2008	4/1/2023	45	158	18.0	BT	BT	BT	BT	BT	BT	I	I	ĐỦ SỨC KHỎE
	TỔNG CỘNG: 1484																
GHI CHÚ : BT : BÌNH THƯỜNG																	

Bình Chánh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG PHÒNG KHTH

PHẠM HUỖNH HOÀNG CHINH